

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

MỤC LỤC

Các chỉ số tài chính nổi bật

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

A. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin tổng quan

Các sản phẩm và dịch vụ

Quá trình hình thành và phát triển

Mô hình quản trị

Giới thiệu ban lãnh đạo

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Tình hình hoạt động kinh doanh 2018

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

C. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Danh sách ban điều hành

Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2018

Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2018

Đánh giá tình hình tài chính năm 2018

Kế hoạch hoạt động năm 2019

D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá mọi mặt hoạt động năm 2018

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD và các cán bộ quản lý

Phương hướng hoạt động năm 2019

Kết luận

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Thù lao của HĐQT, BKS

Các giao dịch

Quản trị rủi ro

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững

Phát triển đội ngũ nhân sự

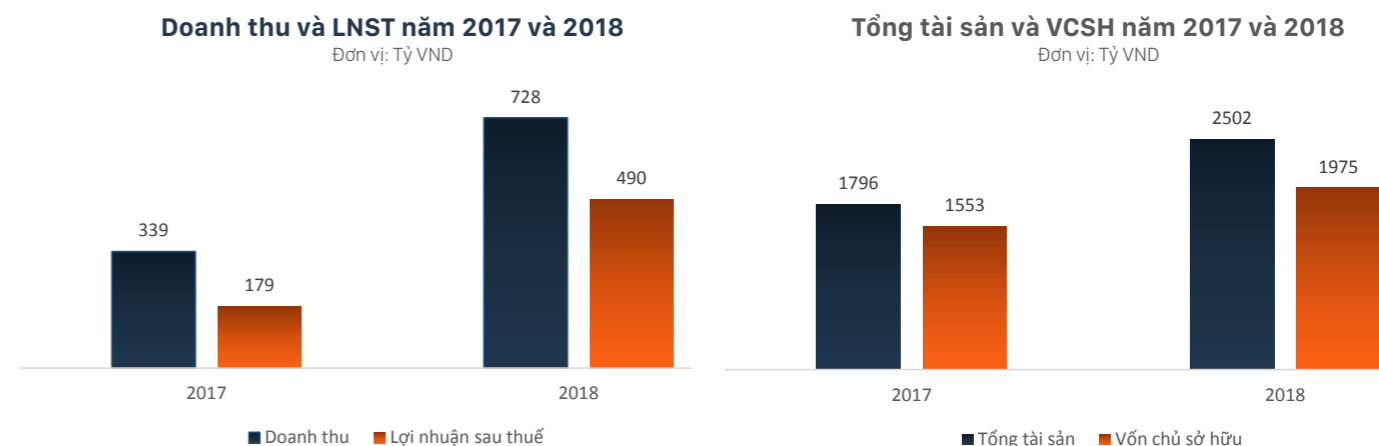
Đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng và xã hội

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	% Tăng trưởng
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Tổng Doanh thu (*)	Tỷ VNĐ	339,65	728,49	114%
Doanh thu hoạt động	Tỷ VNĐ	316,5	695,24	120%
Chi phí hoạt động	Tỷ VNĐ	78,48	135,87	73%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ VNĐ	23,14	33,25	44%
Chi phí tài chính	Tỷ VNĐ	0,09	0,13	44%
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Tỷ VNĐ	43,85	50,53	15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ VNĐ	217,23	541,96	149%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ VNĐ	0,65	0,99	52%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	217,89	542,95	149%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	179,22	489,98	173%
Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	Tỷ VNĐ	1.796,46	2.501,71	39%
Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	993,77	1.093,14	10%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	1.552,80	1.975,18	27%
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	10,89%	22,80%	109%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	12,00%	27,8%	131%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	99.37.673	109.313.329	10%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	1.803	4.482	149%
Cổ tức	%	15%	-	-

(*) Tổng Doanh thu = Doanh thu hoạt động + Doanh thu tài chính





TÂM NHÌN

FPTS mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, bằng nỗ lực xây dựng đội ngũ cán bộ và năng lực công nghệ, mang lại những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao nhất cho khách hàng và cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần cho mọi thành viên.

PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

Chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Con người

Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa FPT. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, quan tâm đào tạo cán bộ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã có hơn 200 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc ở cả môi trường trong nước và quốc tế.

Công nghệ

Đầu tư tập trung, khai thác tối đa các ưu thế về công nghệ, FPTS đã xây dựng thành công hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Với các thiết bị hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, hệ thống giao dịch của FPTS có thể phục vụ được số lượng rất lớn khách hàng với tốc độ cao, mọi lúc, mọi nơi tại sàn giao dịch cũng như qua điện thoại hay internet.

Các phần mềm phục vụ giao dịch chứng khoán được lựa chọn để đáp ứng yêu cầu hiện tại và tương lai theo tiêu chuẩn quốc tế, đang được sử dụng rộng rãi tại các quốc gia có thị trường chứng khoán rất phát triển như Úc, Anh, Hồng Kông, Ấn Độ, Malaysia, Singapore,...

Các trang WEB của FPTS được chứng thực bởi tổ chức có uy tín trên thế giới với giao thức bảo mật SSL, đảm bảo an toàn về dữ liệu truy cập và dữ liệu trên đường truyền.

Các giao dịch từ xa qua Internet, qua điện thoại được bảo mật bằng Thiết bị xác thực người dùng - Token Card của Hãng RSA.



"Tổng doanh thu thực hiện đạt 476 tỷ đồng, tăng trưởng 40,24% so với năm 2017 và đạt 138,06% so với kế hoạch đầu năm."

"Lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 290 tỷ đồng, tăng trưởng 35,50% so với năm 2017 và đạt 132,21% so với kế hoạch đầu năm."

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý Cổ đông, Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên!

Năm 2018 kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại với nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc diễn ra ngày càng phức tạp. Trong khi đó, lạm phát toàn cầu có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá dầu bình quân tăng mạnh.

Xét về nền kinh tế Việt Nam, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, đạt 7,08%, khá cao so với các nước trong khu vực. Chỉ số CPI duy trì ở mức ổn định, đạt 3,54%. Trong khi đó, thị trường chứng khoán Việt Nam năm qua có nhiều biến động. Chỉ số VN-Index chạm đỉnh 1204,3 điểm vào 9/4/2018 nhưng cuối năm (19/12) giảm hơn 6,6% so với đầu năm. Từ vị trí thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh nhất thế giới, Việt Nam có giai đoạn trở thành thị trường giảm mạnh nhất thế giới. Tuy vậy thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có một số diễn biến tích cực trong năm qua như thị trường phái sinh tăng trưởng mạnh mẽ, khối lượng và giá trị giao dịch ở cả hai sàn HOSE và HNX cũng đều tăng mạnh.

Trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước kể trên, với sự nỗ lực, đồng lòng của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, FPTS duy trì được kết quả kinh doanh năm 2018 tương đối tốt:

*Tổng doanh thu thực hiện đạt 476 tỷ đồng, tăng trưởng 40,24% so với năm 2017 và đạt 138,06% so với kế hoạch đầu năm.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 290 tỷ đồng, tăng trưởng 35,50% so với năm 2017 và đạt 132,21% so với kế hoạch đầu năm.
- TOP 10 thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX (4,93%)
- TOP 10 thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại HOSE (3,34%)

Năm 2018 cũng ghi nhận dấu mốc quan trọng trong sự hình thành và phát triển của FPTS. Cụ thể, FPTS chính thức cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh cho các nhà đầu tư trên thị trường trong năm này. Ngoài ra, ngày 26/10/2018, FPTS còn được vinh danh là công ty Chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2017 – 2018. Điều này một lần nữa khẳng định vị thế của Công ty cũng như mở ra nhiều cơ hội phát triển mới trong thời gian tới.

Để có được những kết quả khả quan này, trong thời gian qua FPTS luôn kiên định với định hướng phát triển

của mình, nhất quán trong nguyên tắc hoạt động và tập trung phát triển dựa trên hai giá trị cốt lõi là CON NGƯỜI và CÔNG NGHỆ. FPTS không chạy theo "tin đồn" hay các "mã nóng" trên thị trường mà hướng tới một sự phát triển bền vững. Chúng tôi tập trung vào chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm không ngừng nâng cao giá trị và mang đến những tiện ích mới cho khách hàng và cộng đồng nhà đầu tư.

Năm 2019 sẽ tiếp tục với những diễn biến khó lường đối với cả tình hình kinh tế thế giới cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam. Đây là thách thức đối với FPTS song cũng là cơ hội tốt để Công ty khẳng định vị thế của mình trên thị trường chứng khoán. Với tầm nhìn xuyên suốt và quyết tâm cao, chúng tôi tin tưởng rằng FPTS sẽ vững vàng vượt qua những thử thách phía trước, đón nhận cơ hội và gặt hái được những thành công trong thời gian tới.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, xin cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của quý cổ đông, quý khách hàng; cảm ơn sự nhiệt huyết và những đóng góp của các thể hệ cán bộ nhân viên cho sự phát triển của FPTS. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ cán bộ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng quý vị, FPTS sẽ tiếp tục gặt hái được những thành công mới trong thời gian tới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Điệp Tùng

THÔNG TIN TỔNG QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Tên viết tắt: FPTSC

Tên tiếng anh: FPT Securities Joint Stock Company

Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-CP do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/07/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK cấp ngày 08/06/2018.

Vốn điều lệ: 1.093.136.880.000 VNĐ

Địa chỉ: Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (024) 3773 7070

Số fax: (024) 3773 9058

Website: www.fpts.com.vn

Mã cổ phiếu: FTS

Logo:



MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3773 7070 / 6271 7171

Fax: (84-24) 3773 9058

Phòng giao dịch Hàn Thuyên:

Tầng 2, số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-24) 6275 8008/ 3933 6668-

Fax: (84-24) 3933 6168

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6.290 8686 / 3.915 2626

Hỗ trợ Tư vấn đầu tư: (84-28) 6255 5698

Fax: (84-28) 6.291 0607

Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu:

Địa chỉ: Số 159C, Phan Đăng Lưu, phường 1, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6255 5699 / (84-28) 3914 6090

Hỗ trợ Tư vấn đầu tư: (84-28) 6255 5670

Fax: (84-28) 3.995 6997

Phòng giao dịch Kỳ Đồng

Địa chỉ: Lầu 2, số 14B Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6255 5688 / (84-28) 3914 6088

Hỗ trợ Tư vấn đầu tư: (84-28) 3914 6078

Fax: (84-28) 6269 8587

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (84-236) 3553 666

Fax: (84-236) 3553 888

CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

01 MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

02 TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

03 BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

04 LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

05 HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN



Hướng tới mục tiêu trở thành một định chế tài chính hùng mạnh trong lĩnh vực tài chính tại Việt Nam, với thế mạnh về con người và công nghệ, FPTSC cung cấp các giải pháp sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo, nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của Quý khách hàng.

01 GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Giao dịch chứng khoán

Giao dịch chứng quyền

Giao dịch CK phái sinh

Giao dịch ký quỹ

Dịch vụ ứng trước

Dịch vụ chuyển tiền

Đặt trước lệnh mua bán

Bán chứng khoán lô lẻ

Thực hiện quyền

Lưu ký chứng khoán

Tư vấn đầu tư

Cổng thông tin trực tuyến

Bảng giá HNX Pro

Biểu đồ phân tích kỹ thuật

02 TƯ VẤN DOANH NGHIỆP

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp

- Rà soát đặc biệt doanh nghiệp

- Định giá doanh nghiệp

- Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Tư vấn Niêm yết, Đăng ký giao dịch, Đăng ký công ty đại chúng

- Tư vấn niêm yết

- Tư vấn đăng ký giao dịch Upcom

- Tư vấn đăng ký công ty đại chúng

Tư vấn Phát hành, Chào bán chứng khoán

- Tư vấn phát hành, chào bán chứng khoán ra công chúng

- Tư vấn phát hành, chào bán chứng khoán riêng lẻ

- Tư vấn phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên (ESOP)

Tư vấn Đấu giá thoái vốn Doanh nghiệp chưa niêm yết

- Đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Đấu giá tại FPTSC

Tư vấn Cổ phần hóa

TƯ VẤN QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Tư vấn Quan hệ nhà đầu tư (IR) và giải pháp EzSearch

- Tư vấn Tổ chức Đại hội đồng cổ đông và giải pháp EzG-SM

- Tư vấn Quản lý cổ đông và giải pháp EzLink

- Tư vấn lập Báo cáo Thường niên; Báo cáo phát triển bền vững

- Tư vấn xây dựng, sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

TƯ VẤN HOÀN THIỆN DOANH NGHIỆP

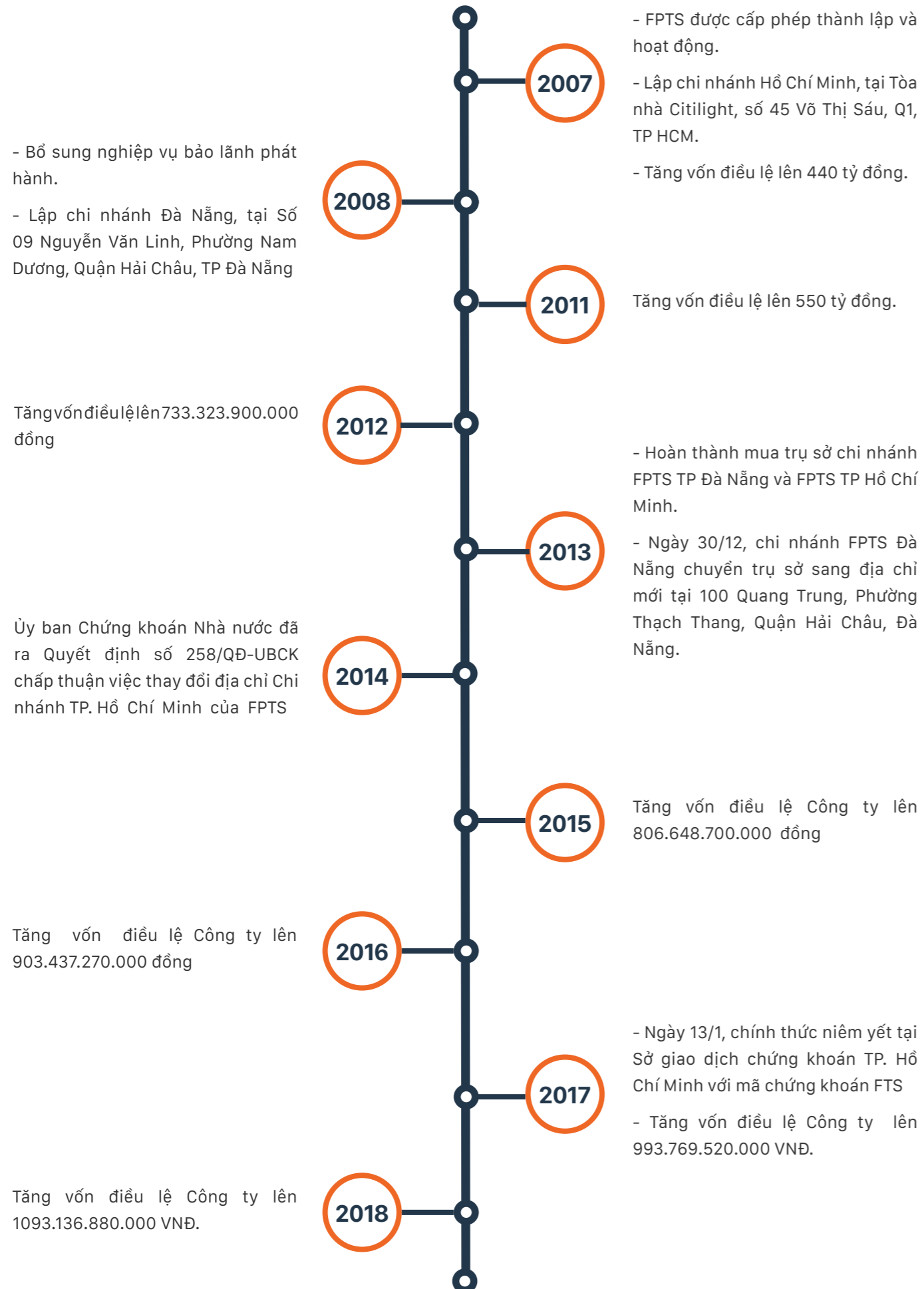
- Tư vấn Quản trị nhân sự và giải pháp EzHRM

- Tư vấn Quản trị tài chính kế toán và giải pháp EzFAM

- Tư vấn Xây dựng Kế hoạch kinh doanh

- Tư vấn Dự báo Tài chính

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU NĂM 2018

17/01

CTCP Chứng khoán FPT nâng cấp thành công ứng dụng EzMobile Trading trên hệ điều hành Android và iOS.

08/06

Chủ tịch UBND Tp. Hà Nội trao tặng bằng khen cho Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã có thành tích trong phong trào thi đua chuyên đề nộp ngân sách năm 2017.

08/06

UBCKNN ra Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 41/GPĐC-UBCK về việc điều chỉnh vốn điều lệ của FPTS lên 1.093.136.880.000 đồng.

26/10

CTCP Chứng khoán FPT vinh dự là một trong 10 CTCK được vinh danh Công ty Chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2017 – 2018 tại “Hội nghị Thành viên thường niên năm 2018” do Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức.

26/12

CTCP Chứng khoán FPT chính thức cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư.

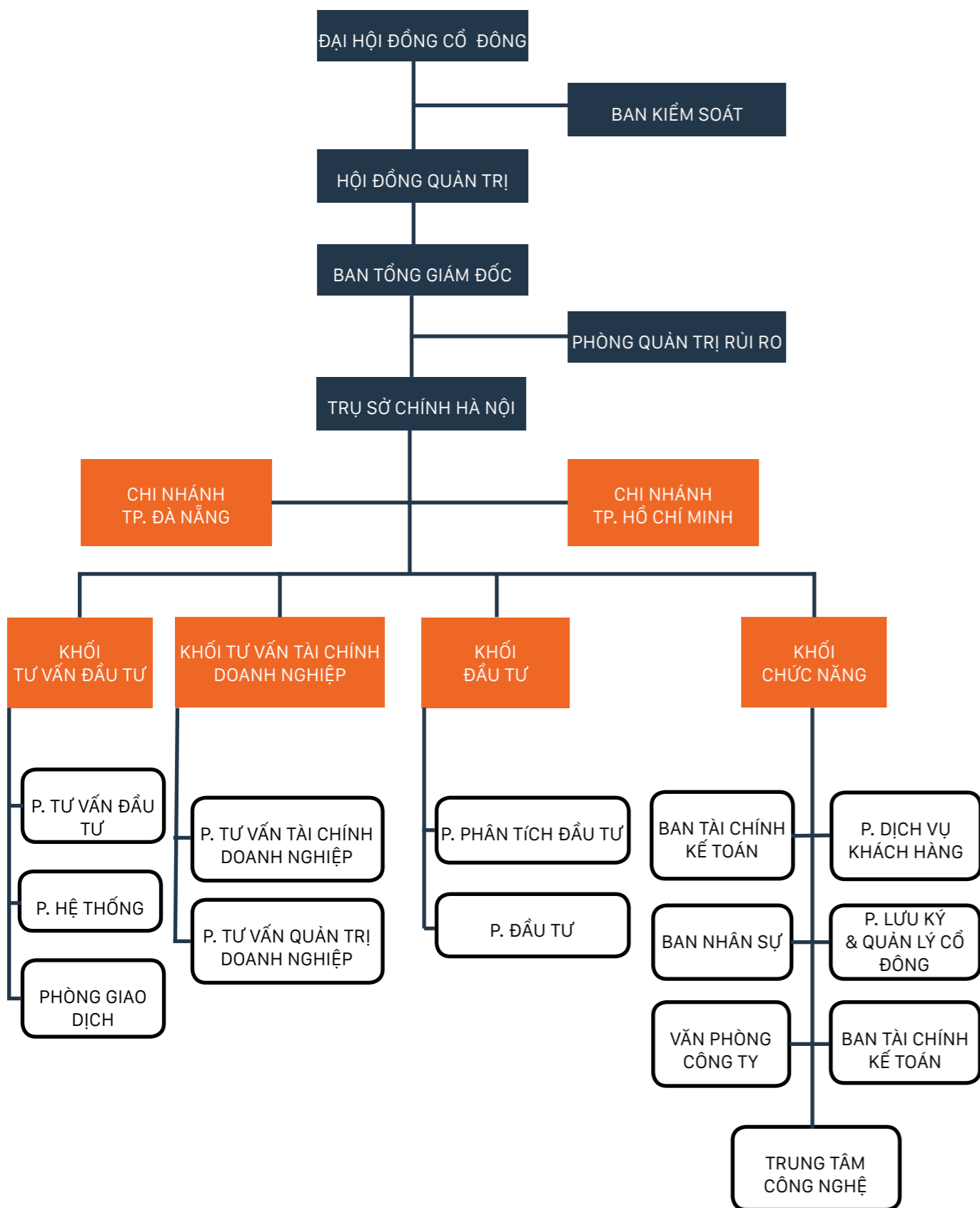
26/12

CTCP Chứng khoán FPT được Công an TP Hà Nội trao tặng Giấy khen cho Tập thể Cán bộ nhân viên và cá nhân ông Nguyễn Điệp Tùng - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc FPTS đã có thành tích trong phong trào Toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc năm 2018.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Hiện tại Công ty cổ phần Chứng khoán FPT đang áp dụng mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các trung tâm, phòng ban chức năng. Các bộ phận thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Công ty thực hiện quy định phân cấp thẩm quyền ra quyết định đối với từng cấp quản trị tại quy chế quản trị. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản trị, quản lý Công ty, đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, ban điều hành. Theo đó:

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần theo quy định của Luật doanh nghiệp.

• Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị ("HĐQT") là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT của Công ty hiện tại có năm (05) thành viên.

• Ban kiểm soát

Ban kiểm soát ("BKS") là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định Pháp luật. BKS của Công ty hiện tại gồm ba (03) thành viên, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

• Kiểm toán nội bộ

Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị FPT, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật và có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các quyết

định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

- Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty

- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty

• Ban điều hành

Cơ cấu Ban điều hành Công ty có ba (03) người, gồm: một (01) Tổng Giám đốc, một (01) Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng.

Tổng Giám đốc là người điều hành

cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

• Các bộ phận, trung tâm phòng ban trong Công ty

Thực hiện công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Điệp Tùng
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 19/7/2007

Quá trình công tác:

- 1991 – 1993: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần FPT
- 1993 – 2004: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT
- 2004 – 2007: Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kế hoạch – Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT
- 2007 – 2010: TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 2010 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



Ông Đỗ Sơn Giang
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 19/3/2010

Quá trình công tác:

- 1997 – 2000: Kế toán viên - Công ty Cổ phần FPT
- 2001 – 2003: Phó ban kế hoạch tài chính - Công ty Cổ phần FPT
- 2003 – 2010: Kế toán trưởng, Trưởng ban kế toán tài chính - Công ty hệ thống thông tin FPT(FIS)
- 2010 – 2017: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng ban kế toán tài chính – Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 2017 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



Ông Nguyễn Khắc Thành
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1964

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Phó tiến sĩ Toán Lý

Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 10/3/2011

Quá trình công tác:

- 1991 – 1996: Chuyên viên phần mềm - Công ty phát triển đầu tư công nghệ FPT
- 1996 – 1999: PGĐ Xí nghiệp Giải pháp phần mềm - Công ty phát triển đầu tư công nghệ FPT
- 1999 – 2006: Giám đốc Trung tâm đào tạo lập trình viên quốc tế FPT – Aptech
- 2006 – 2010: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học FPT
- 2007 – 2011: TV BKS Công ty CP Chứng khoán FPT
- 2010 - 2016: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học FPT; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 2017 - nay: Hiệu trưởng Trường Đại học FPT; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



Ông Shuzo Shikata
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Ngân hàng, Tài chính, Kế toán, Đầu tư

Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 22/3/2016

Quá trình công tác:

- 2003 – 2011: Ban Ngân hàng Thương mại – Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ Osaka & Tokyo, Nhật Bản
- 2011 – 2014: Trưởng phòng Nhật Bản - Ngân hàng Tokyo Misubishi UFJ, chi nhánh Manila, Manila, Philippines
- 2014 – 2015: Trưởng phòng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ, Tokyo, Nhật Bản
- 2015 – nay: Phó Trưởng phòng Quản lý Kinh doanh nước ngoài - SBI Holdings, Inc. Tokyo, Nhật Bản; Trưởng phòng Kế hoạch doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán SBI, Tokyo, Nhật Bản; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT, Việt Nam; Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Hoàng Gia SBI, Campuchia
- 2016 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT; Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Việt Nam



Ông Nguyễn Văn Dũng
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Ngoại ngữ (Chuyên ngành Tiếng Anh)

Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 10/04/2018

Quá trình công tác:

- 1996 – 1998: Cán bộ tín dụng, Cán bộ quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
- 1998 – 2006: Cán bộ Tài trợ thương mại, Trợ lý giám đốc – Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội
- 2006 – 2007: Phụ trách nghiệp vụ Tài trợ thương mại – Ngân hàng HSBC, chi nhánh Hà Nội
- 2007 – nay: Giám đốc tư vấn đầu tư – Công ty cổ phần chứng khoán FPT
- 04/2018 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán FPT

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

BAN KIỂM SOÁT



Bà Đỗ Thị Hương
Trưởng BKS

Năm sinh: 1973
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Tài chính – Kế toán
Ngày bắt đầu là TV BKS: 19/7/2007
Quá trình công tác:

- 1994 – 1995: Kế toán viên - Công ty Cổ phần FPT
- 1996 – 2003: Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần FPT
- 2004 – 2005: Trưởng phòng kế toán - Công ty Cổ phần FPT
- 2005 – nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT
- 2007 – nay: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



Ông Eiichiro So
Thành viên BKS

Năm sinh: 1975
Quốc tịch: Nhật Bản
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ Kinh doanh
Ngày bắt đầu là TV BKS: 10/04/2018
Quá trình công tác:

- Trước 2004: Làm việc trong ngành Tài chính ngân hàng
- 4/2014 – 4/2016: Phó Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Việt Nam
- 4/2014 – 5/2016: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, Việt Nam
- 10/2014 – 7/2016: Giám đốc đại diện – Công ty TNHH Chứng khoán Trực tuyến SBI Thai, Thái Lan
- 7/2016 – 10/2016: TGD kiêm Giám đốc đại diện - Công ty TNHH Chứng khoán Trực tuyến SBI Thai, Thái Lan
- 9/2017 đến nay: Giám đốc đại diện - Công ty TNHH Chứng khoán Trực tuyến SBI Thai, Thái Lan
- 1/2018 đến nay: Giám đốc điều hành – SBI Ventures Singapore Pte. Ltd., Singapore



Bà Nguyễn Thị Phương
Thành viên BKS

Năm sinh: 1956
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Ngày bắt đầu là TV BKS: 19/7/2007
Quá trình công tác:

- 1980 – 1984: Kế toán viên – Nông trường Thống Nhất, Thanh Hóa
- 1985 – 1990: Kế toán trưởng – Xí nghiệp Mía đường Yên Định, Thanh Hóa
- 1991 – 1997: Kế toán viên – Công ty Cổ phần FPT
- 1998 – 2002: Kế toán trưởng Chi nhánh HCM - Công ty Cổ phần FPT
- 2003 – 2008: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FPT, Trưởng ban Kế hoạch Tài chính FPT Miền Nam, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT Chi nhánh HCM.
- 2009 – 2010: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT Chi nhánh HCM; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Chứng khoán FPT
- 2011 – 2013: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần FPT Chi nhánh HCM
- 2007 – nay: Thành viên BKS Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Điệp Tùng
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1968
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 19/7/2007
Quá trình công tác:

- 1991 – 1993: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần FPT
- 1993 – 2004: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT
- 2004 – 2007: Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kế hoạch – Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT
- 2007 – 2010: TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 2010 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



Ông Nguyễn Văn Trung
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
Ngày bắt đầu là TV BKS: 25/03/2008
Quá trình công tác:

- 1995 – 1998: Kế toán tổng hợp Công ty Phần Lân Văn Điển
- 2000 – 2001: Chuyên viên Tổng công ty Hoá chất Việt Nam
- 2001 – 2003: Chuyên viên Ngân hàng Mizuho
- 2003 – 2007: Chuyên viên Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT
- 2007 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 2008 – 4/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1974
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
Ngày bắt đầu là KTT: 19/7/2007
Quá trình công tác:

- 1994 - 2003: Kế toán - Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT
- 2003 - 2003: Kế toán - Công ty TNHH Phân phối FPT
- 2004 - 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Giải pháp phần mềm FPT
- 2007 - 2007: Kế toán Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT
- 2007 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần chứng khoán FPT

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

“Định hướng phát triển bền vững, an toàn, minh bạch và hiệu quả”

FPTS tiếp tục thận trọng trong các hoạt động đầu tư, lựa chọn danh mục chứng khoán cho vay; lựa chọn áp dụng các giải pháp bảo mật trong các giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư; công bố thông tin minh bạch tạo niềm tin cho khách hàng và cổ đông FPTS.

“ Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên hai giá trị cốt lõi là CON NGƯỜI và CÔNG NGHỆ ”

- Về con người: FPTS tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân sự đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh việc đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, FPTS đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

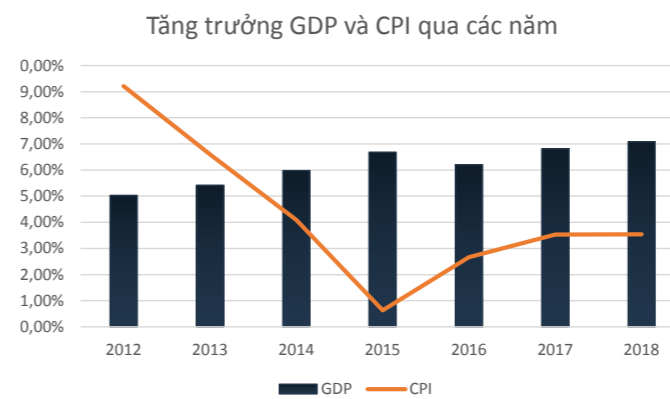
- Về Công nghệ: FPTS tiếp tục kiên định với định hướng: Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch và trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ,... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp. Với các công ty chứng khoán thì ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô nhanh hơn và tác động mạnh hơn so với phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề khác bởi thị trường chứng khoán được ví như là “Phong vũ biểu” của nền kinh tế, và thị trường chứng khoán ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động và hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán. Có thể nói, hầu hết các hoạt động của công ty chứng khoán và hầu hết các khoản doanh thu của một công ty chứng khoán đều gắn liền với thị trường chứng khoán.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Là một công ty chứng khoán nên hiệu quả hoạt động của FPTS chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán. Do vậy, nhằm hạn chế những tác động bất lợi từ những chuyển động của nền kinh tế và thị trường chứng khoán tới hiệu quả hoạt động của công ty, FPTS luôn cập nhật các biến động của nền kinh tế, đánh giá các tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh hoạt động phù hợp.

RỦI RO PHÁP LUẬT

FPTS hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Rủi ro luật pháp tại FPTS là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty giúp công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro chiến lược

Là rủi ro liên quan tới công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chiến lược và định hướng hoạt động của FPTS. Rủi ro chiến lược không những ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mà có thể ảnh hưởng tới sự tồn vong của FPTS. Vì vậy FPTS luôn theo dõi các biến động của thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh quy mô của công ty phù hợp với quy mô của thị trường. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới, nhân sự, ... phải phù hợp với tình hình thị trường đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả trong mọi điều kiện thị trường cả lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn. Trong điều kiện hiện tại tại HĐQT công ty quy định:

- Hoạt động tự doanh của công ty không gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của toàn công ty. Lượng vốn hoạt động phân bổ cho hoạt động tự doanh không được vượt quá 20% (Hai mươi phần trăm) vốn chủ sở hữu của công ty.

- Hoạt động cung ứng, hỗ trợ vốn cho khách hàng (Giao dịch Margin, cầm cố, repo, ...) không gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của toàn công ty. Lượng vốn hoạt động phân bổ cho hoạt động này không được vượt quá 200% (Hai trăm phần trăm) vốn chủ sở hữu của công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro hoạt động

Là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của công ty trong các hoạt động của FPTS do việc không cập nhật hoặc cố tình không tuân thủ của cán bộ nhân viên hay đơn giản là lỗi con người do nhầm lẫn vô tình. Để hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra cho công ty, FPTS đưa ra các biện pháp:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng các giá trị của FPTS.

- Ứng dụng tối đa các công nghệ mới để xây dựng, duy trì Hệ thống giao dịch tiện ích, hiệu quả cho khách hàng; Hệ thống quản trị nội bộ hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh; Hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến quản trị hiệu quả mọi rủi ro hoạt động và tuân thủ.

- Xây dựng các quy định, quy trình nội bộ của mọi đơn vị trực thuộc đầy đủ, rõ ràng và phổ biến đầy đủ cho cán bộ nhân viên nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh, đảm bảo công ty hoạt động an toàn, hiệu quả.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng lớn khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản của thị trường chứng khoán

Rủi ro lãi suất

Khi lãi suất thị trường thay đổi doanh thu của FPTS sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp: Lãi suất của các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ... Và lãi suất thay đổi làm ảnh hưởng đến dòng tiền trên thị trường và ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu môi giới chứng khoán của FPTS. Để giảm thiểu các thiệt hại có thể phát sinh do rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, FPTS luôn chủ động trong việc lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức giao dịch, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý, có thể cạnh tranh trên thị trường mà vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường

Các chứng khoán FPTS nắm giữ bị ảnh hưởng bởi tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư, ... Do giá trị chứng khoán FPTS nắm giữ không nhiều, chủ yếu từ việc mua chứng khoán lô lẻ, vì vậy

FPTS đánh giá rủi ro về giá cũng như thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh là không đáng kể.

FPTS cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay của FPTS. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy FPTS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, có các cán bộ chuyên trách để lựa chọn xây dựng, quản lý Danh mục các mã chứng khoán ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay hợp lý cho mỗi mã chứng khoán. Ngoài ra FPTS đã xây dựng phần mềm quản lý, thực hiện việc cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp FPTS thực hiện quản lý rủi ro hiệu quả và đảm bảo an toàn cho FPTS.

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/đúng hạn như cam kết. Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng/thiệt hại của rủi ro thanh toán đối với hoạt động và hiệu quả hoạt động của công ty, FPTS thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện phân cấp thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một Khách hàng theo Quy định Quản lý rủi ro hoạt động hỗ trợ vốn cho khách hàng của FPTS nhằm đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên việc cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ của FPTS phải quy định rõ ràng các điều khoản để thực hiện việc bán thanh lý. Khi giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay giao dịch ký quỹ xuống đến một mức nhất định/đến thời điểm đáo hạn hợp đồng giao dịch ký quỹ thì FPTS phải thực hiện việc bán thanh lý tài sản đảm bảo để đảm bảo việc thu hồi vốn vay, lãi vay, các loại phí (nếu có) của FPTS.

- Sử dụng phần mềm EzMargin để quản lý trạng thái các giao dịch ký quỹ, thực hiện cảnh báo và lệnh xử lý bán tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không đảm bảo đủ tiền để

thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. FPTS luôn thực hiện việc quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa tài sản đến hạn và công nợ đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của FPTS là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro nguồn nhân lực

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi TTCK sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ô ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng.

Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa FPT. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao. Hiện nay FPTS đang có hơn 300 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc ở cả môi trường trong nước và quốc tế. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để FPTS được thực hiện mục tiêu đã đề ra, xác lập được vị thế của công ty trên thị trường.

Rủi ro cạnh tranh và tái cấu trúc thị trường chứng khoán:

Tính đến cuối năm 2017 số lượng các công ty chứng khoán đang hoạt động trên TTCK là 79 công ty. Các công ty chứng khoán cạnh tranh khốc liệt cả về thị phần, khách hàng và nhân sự do thị trường còn bé. Các Công ty chứng khoán đã tập trung đến việc cung cấp nhiều dịch vụ tiện ích như các loại đòn bẩy tài chính cho khách hàng, cũng như đổi mới về công nghệ.

Vì vậy FPTS đã và đang không ngừng đầu tư tập trung, khai thác tối đa các ưu thế về công nghệ, FPTS đã xây dựng thành công hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Là một công ty chứng khoán nên những tác động của môi trường không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của FPTS. Tuy nhiên, những diễn biến khó lường của môi trường, khí hậu có thể ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế vĩ mô cũng như nhiều doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán. Điều này có thể ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Giá cổ phiếu của công ty cổ phần Chứng khoán FPT không thể tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt khi cổ phiếu đã được niêm yết, các yếu tố trên ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, ... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2018

Thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ của FPTS năm 2018

Thời điểm	Tỉ lệ (%)	Vị trí
Q1/2018	3,63	8
Q2/2018	3,09	9
Q3/2018	3,25	8
Q4/2018	3,30	7
Năm 2018	3,34	8

Sàn HOSE

Thời điểm	Tỉ lệ (%)	Vị trí
Q1/2018	4,68	8
Q2/2018	5,28	7
Q3/2018	4,96	6
Q4/2018	4,90	7
Năm 2018	4,93	7

Sàn HNX

Năm 2018 là một năm đầy biến động đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Chỉ số VN-Index chạm đỉnh 1.204,3 điểm vào tháng 4/2018 nhưng 3 lần tăng lãi suất của FED cùng sự căng thẳng của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng mạnh đến dòng vốn vào thị trường chứng khoán toàn cầu cũng như Việt Nam, khiến VN-Index ngày 19/12/2018 giảm hơn 6,6% so với đầu năm. Tuy nhiên, khối lượng và giá trị giao dịch ở sàn HOSE và HNX vẫn tăng so với năm 2017. Bên cạnh đó, trong năm 2018, thị trường chứng khoán phái sinh bùng nổ cả về số lượng tài khoản mở mới và quy mô giao dịch. Các yếu tố vĩ mô trong nước ổn định, kinh tế tăng trưởng cao và lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng vẫn giữ vai trò hỗ trợ cho thị trường. Những biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2018 có tác động không nhỏ đến hoạt động của các công ty chứng khoán, trong đó có FPTS. Tuy nhiên, nhờ tập trung vào mảng kinh doanh chính là Môi giới chứng khoán nên kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018 vẫn được duy trì được tốc độ tăng trưởng

tốt. Thị phần môi giới cổ phiếu của FPTS năm 2018 trên sàn HOSE đạt 3,34% đứng thứ 8 trong khối các công ty chứng khoán. Trong khi đó tại sàn HNX, FPTS chiếm 4,93% thị phần môi giới cổ phiếu trong khối các công ty chứng khoán.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 còn có được những dấu mốc quan trọng. Thứ nhất, FPTS, đã chính thức tham gia vào thị trường chứng khoán phái sinh sau thời gian dài chuẩn bị kỹ lưỡng cả về hệ thống công nghệ cũng như quy trình và nhân sự vận hành. Các sản phẩm phái sinh sẽ mang đến nhiều lựa chọn hơn cho nhà đầu tư và hứa hẹn sẽ phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Thứ 2, cổ phiếu Công ty cổ phần May Sông Hồng (công ty mà FPTS đang sở hữu 13,61%) chính thức niêm yết trên sàn HOSE từ ngày 28/11/2018 giúp FPTS ghi nhận khoản lợi nhuận chưa thực hiện đột biến trong quý 4. Điều này làm lợi nhuận sau thuế cả năm 2018 của Công ty tăng trưởng đột biến – đạt gần 490 tỷ đồng – tăng 173% so với năm 2017.

Thị phần môi giới cổ phiếu năm 2018 đứng thứ 8 trên sàn HOSE và đứng thứ 7 trên sàn HNX

Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	% Tăng trưởng
Doanh thu hoạt động	Tỷ VNĐ	316,50	695,24	120%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Tỷ VNĐ	143,22	207,64	45%
Doanh thu môi giới chứng khoán	Tỷ VNĐ	129,14	171,35	33%
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	Tỷ VNĐ	18,81	284,55	1412%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Tỷ VNĐ	16,05	18,60	16%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Tỷ VNĐ	9,09	11,99	32%
Các khoản Doanh thu hoạt động khác	Tỷ VNĐ	0,19	0,85	340%
Chi phí hoạt động	Tỷ VNĐ	78,48	135,87	73%
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Tỷ VNĐ	58,75	84,06	43%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Tỷ VNĐ	11,17	15,20	36%
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	Tỷ VNĐ	7,26	9,38	29%
Chi phí dự phòng	Tỷ VNĐ	1,18	26,97	2187%
Chi phí khác	Tỷ VNĐ	0,11	0,26	131%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ VNĐ	23,14	33,25	44%
Chi phí tài chính	Tỷ VNĐ	0,09	0,13	51%
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Tỷ VNĐ	43,85	50,53	15%
Kết quả hoạt động khác	Tỷ VNĐ	0,65	0,99	51%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	217,89	542,95	149%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	179,22	489,98	173%
Tổng Tài sản	Tỷ VNĐ	1.796,46	2.501,71	39%
Vốn Chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	1.552,80	1.975,18	27%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	99.376.673	109.313.329	10%
EPS	VNĐ/cổ phiếu	1.803	4.482	149%

"Doanh thu hoạt động năm 2018 đạt 695,24 tỷ đồng, tăng 120% so với cùng kỳ năm 2017"

- Đóng góp chính vào sự gia tăng của Doanh thu hoạt động năm 2018 là sự tăng trưởng mạnh của các khoản chênh lệch tăng đánh giá lại các Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) năm 2018 đạt 284,55 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu hoạt động và tăng 1412% so với cùng kỳ năm 2017 do khoản chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ tăng đáng kể từ 0,17 tỷ đồng lên 252,17 tỷ đồng.
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 45% đạt 207,64 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu doanh thu hoạt động. Trong khi đó, doanh thu môi giới chứng khoán cũng tăng 33% đạt 171,35 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính tăng 16% đạt 18,6 tỷ đồng.

"Chi phí hoạt động năm 2018 đạt 135,87 tỷ đồng, tăng 73% so với cùng kỳ năm 2018"

- Chi phí hoạt động tăng chủ yếu do các nguyên nhân sau:
- Chi phí Nghiệp vụ Môi giới chứng khoán đạt 84,06 tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2017.
- Chi phí dự phòng đạt 26,97 tỷ đồng, tăng 2187% so với cùng kỳ năm 2017.
- Chi phí Nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán đạt 15,2 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm 2017.

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2018	TH năm 2018	TH 2018/KH 2018 (%)
Tổng Doanh thu thực hiện (*)	Tỷ VNĐ	345	476	138,06 %
Lợi nhuận trước thuế thực hiện (**)	Tỷ VNĐ	220	290	132,21 %
Lợi nhuận trước thuế thực hiện /Vốn điều lệ	%	20,13%	26,61	132,21%
Số lượng nhân viên	Người	330	335	101,52 %
Số tài khoản khách hàng	Tài khoản	130.000	131.368	101,05%

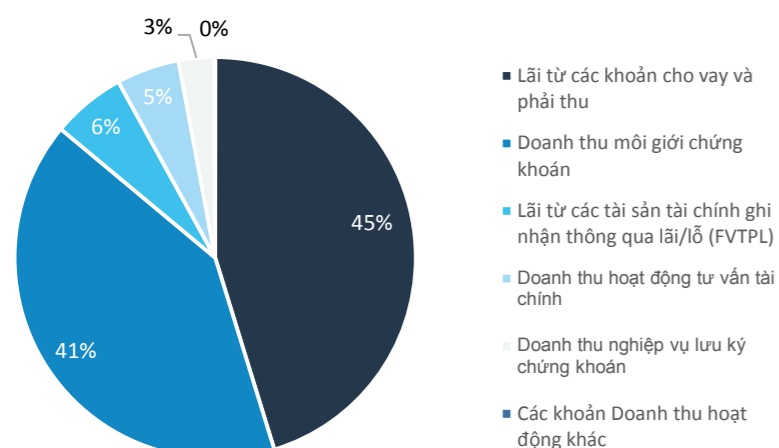
(*) Doanh thu thực hiện = Doanh thu hoạt động kinh doanh + Doanh thu tài chính mà không tính các khoản doanh thu chưa thực hiện do chênh lệch tăng đánh giá lại các Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ - ở đây chủ yếu là khoản đánh giá lại đối với cổ phiếu MSH

(**) Lợi nhuận trước thuế thực hiện: Là lợi nhuận trước thuế nhưng không tin đến các khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại các Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ - ở đây chủ yếu là khoản đánh giá lại đối với cổ phiếu MSH

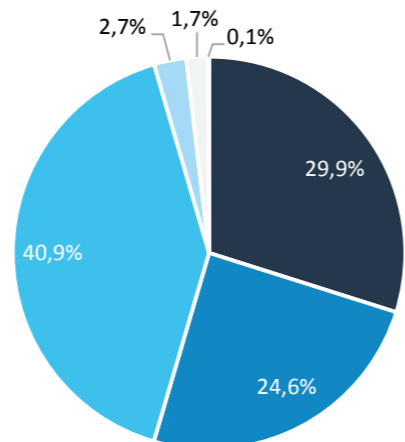
Nhìn chung, quả kinh doanh năm 2018 của Công ty là tương đối tốt. Tất cả các chỉ tiêu đặt ra đầu năm đều vượt so với kế hoạch. Kết quả này phản ánh đúng với định hướng phát triển trong dài hạn của FPTSC cũng như ghi nhận lại những nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên Công ty trong năm.

Cơ cấu doanh thu, chi phí

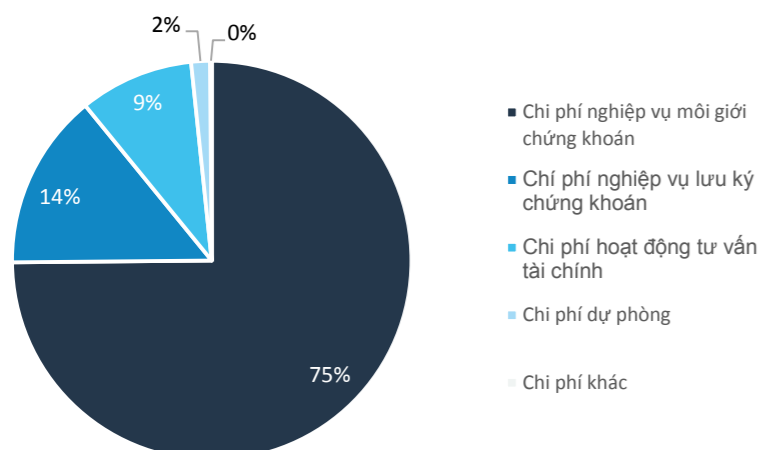
Cơ cấu doanh thu hoạt động năm 2017



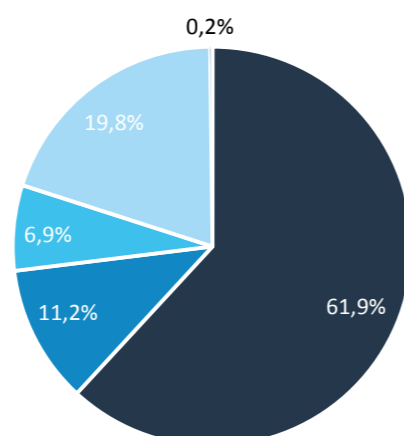
Cơ cấu doanh thu hoạt động năm 2018



Cơ cấu chi phí hoạt động năm 2017



Cơ cấu chi phí hoạt động năm 2018



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong ban lãnh đạo công ty

Ngày 10/4/2018, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, ông Nguyễn Văn Dũng được bầu làm thành viên HĐQT thay cho ông Nguyễn Văn Trung và ông Eiichiro So được bầu làm thành viên ban kiểm soát thay ông Tomohiro Yamaguchi theo Nghị quyết 01-2018/NQ/ĐHĐCĐ/FPTS

Thống kê nhân sự

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	294	317
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	6	7
3	Lao động phổ thông	Người	6	9
II	Theo giới tính			
1	Nam	Người	158	172
2	Nữ	Người	148	161
	Tổng cộng	Người	306	333

Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn.

Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách đào tạo

CBCNV tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Chính sách lương, thưởng

- Chính sách trả lương: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

- Lương ngoài giờ: Công ty hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước

lao động tập thể.

- Chính sách thưởng: Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho CBCNV của Công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

Chính sách phúc lợi, xã hội

- Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, v.v...). Đặc biệt, công ty có thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện FPT Care cho toàn thể CBCNV.

- Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho CBCNV của Công ty tham quan, nghỉ mát, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc.

- Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV,...).

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Tình hình đầu tư

Bám sát định hướng phát triển, trong năm 2018, FPTC không thực hiện hoạt động tự doanh các cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên sàn Upcom mà chỉ tiến hành mua các cổ phiếu lẻ của các nhà đầu tư.

Công ty con, công ty liên kết: không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Các chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	Tỷ VNĐ	1.796,46	2.501,71	39%
Nợ phải trả	Tỷ VNĐ	243,67	526,54	116%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	1.552,80	1.975,18	27%
Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	993,77	1.093,14	10%
Chỉ tiêu Báo cáo kết quả kinh doanh				
Tổng Doanh thu	Tỷ VNĐ	339,65	728,49	114%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	217,89	542,95	149%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	179,22	489,98	173%

Các chỉ tiêu an toàn tài chính

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2018
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	VNĐ	27.730.930.067
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	VNĐ	26.850.331.365
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	VNĐ	60.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	VNĐ	114.581.261.432
5	Vốn khả dụng	VNĐ	2.027.392.729.399
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	%	1.769%

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2018/2017	TB ngành
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	6,55	4,36	0,67	2,91
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	6,55	4,36	0,67	2,91
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	14,81%	24,50%	1,65	48%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	16,32%	29,85%	1,83	113%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
- Doanh thu hoạt động/Vốn CSH	lần	0,21	0,39	1,86	0,55
- Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản	lần	0,19	0,32	1,68	0,27
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	%	56,62%	70,48%	1,24	30,50%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	12,00%	27,78%	2,31	16,35%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	10,89%	22,80%	2,09	8,58%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu hoạt động	%	68,64%	77,95%	1,14	35,98%

(*) Chỉ tiêu Trung bình ngành dựa trên BCTC kiểm toán năm 2018 của TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại HOSE năm 2018.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của FPTC năm 2018 giảm so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn để bổ sung cho vốn lưu động. Tuy nhiên, khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty vẫn đạt 4,36 lần, lớn hơn mức trung bình ngành là 2,91.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Do vay ngắn hạn tăng nên Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng mạnh trong năm 2018, lần lượt đạt 24,5% và 29,85%. Tuy nhiên, hai chỉ tiêu này của FPTC vẫn thấp hơn nhiều so với trung bình ngành do Công ty chủ trương sử dụng nguồn vốn tự có cho hoạt động kinh doanh. Việc này sẽ giúp Công ty chủ động trong hoạt động, không chịu áp lực chi phí lãi vay và dễ dàng huy động tiền vay khi cần thiết.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Các chỉ tiêu Doanh thu hoạt động/Vốn CSH và Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản của FPTC trong năm 2018 tăng so với năm 2017 do doanh thu tăng mạnh hơn so với vốn CSH và tổng tài sản. Tuy nhiên, hai chỉ tiêu này của FPTC đang thấp hơn so với trung bình ngành. Vì vậy công ty cần cải thiện trong thời gian tới.

Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời:

Tất cả các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng trong năm qua và lớn hơn trung bình ngành. Điều này cho thấy Công ty kiểm soát chặt chẽ các chi phí và thận trọng trong các hoạt động nhằm mang lại hiệu suất sinh lời cao và ổn định.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã phát hành 109.313.688 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 109.313.688 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 109.313.434 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 254 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	-	-
2	Cổ đông sáng lập	27.951.249	25,57
	Trong nước	27.951.249	25,57
	Nước ngoài	-	-
3	Cổ đông lớn (Sở hữu ≥ 5% vốn CP)	27.951.249	25,57
	Trong nước	21.863.890	20,00
	Nước ngoài	21.863.890	20,00
4	Cổ đông khác	59.498.549	54,43
	Trong nước	57.421.546	52,53
	Nước ngoài	2.077.003	1,90
	TỔNG CỘNG	109.313.688	100,00

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

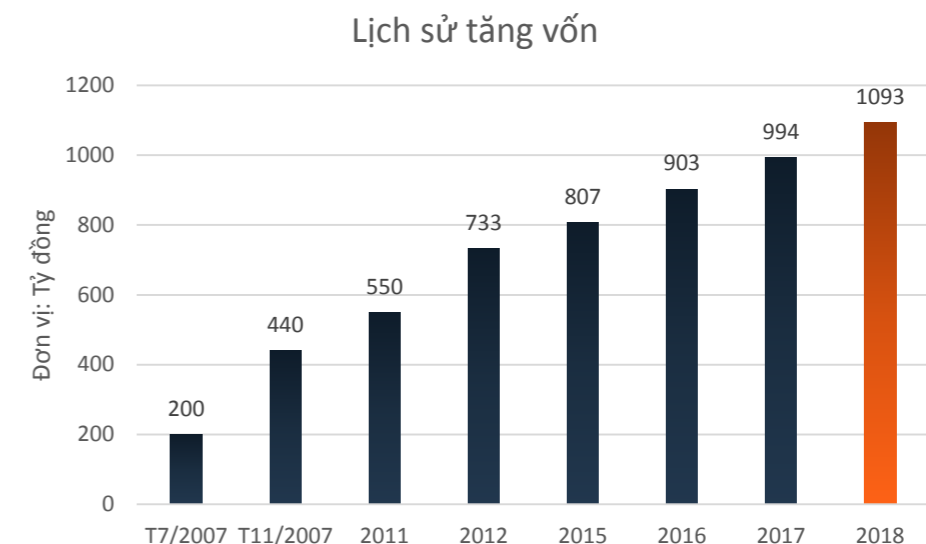
STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	2.171	98,73
	Tổ Chức	14	0,64
	Cá nhân	2.157	98,09
2	Cổ đông nước ngoài	28	1,27
	Tổ chức	9	0,41
	Cá nhân	19	0,86
	TỔNG CỘNG	2.199	100

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	CÔNG TY CỔ PHẦN FPT	0101248141	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, P.Địch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy Hà Nội	21.863.890	20,00
2	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	010401100313	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan	21.863.890	20,00
	Tổng cộng			43.727.780	40,00

Lịch sử tăng vốn

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nội dung tăng vốn
T7/2007	200.000.000.000	Thành lập
T11/2007	440.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên
2011	550.000.000.000	Phát hành riêng lẻ
2012	733.323.900.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2015	806.648.700.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2016	903.437.270.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2017	993.769.520.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2018	1093.136.880.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức



Cổ phiếu quỹ

Tính đến ngày 31/12/2018, số cổ phiếu quỹ của Công ty là 359 cổ phiếu.
Trong năm 2018, công ty chỉ tiến hành mua lại cổ phiếu lẻ làm cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu FTS năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Nội dung
1	Giá đầu năm (02/01/2018)	10.971VNĐ
2	Giá cuối năm (28/12/2018)	17.700VNĐ
3	Tăng trưởng cổ phiếu FTS năm 2018	6.729 (+61.34)
4	Giá cao nhất (04/01/2018)	19.300VNĐ (26/11/2018)
5	Giá thấp nhất (14/11/2018)	10.838VNĐ (02/01/2018)
6	Khối lượng giao dịch trung bình/ngày	57.899 cổ phiếu

(*) Các mức giá trên là giá đã điều chỉnh



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2019

Kinh tế thế giới

- FED tăng lãi suất 04 lần, mỗi lần thêm 0,25% lên mức 2,5% nhiều hơn dự kiến đã công bố tăng 03 lần. Điều này gây ra áp lực lên tỷ giá USD và dòng vốn đầu tư nước ngoài.

- Giá dầu duy trì ở mức cao trong năm nhưng giảm cuối năm.

- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang.

Kinh tế Việt Nam

- GDP tăng 7,08% so với Kế hoạch là 6,7%/ và mức tăng trưởng Năm 2017 là 6,81%

- CPI tăng 3,54% so với Kế hoạch 4% và mức tăng Năm 2017 là 3,53%

- Xuất siêu năm 2018 đạt 7,21 tỷ USD so với mức Năm 2017 là 2,67 tỷ USD

- Tỷ giá ngoại tệ tăng khoảng 2,3% trong khi lãi suất ổn định

- Tăng trưởng tín dụng năm 2018 là 13,30% so với mức tăng trưởng Năm 2017 là 16,96%

- Bộ thu Ngân sách Nhà nước năm 2018 là 0,4 ngàn tỷ đồng so với mức Năm 2017 là 115,5 ngàn tỷ đồng

- Nợ công khoảng dưới 61% GDP so với mức khoảng 61,3% GDP Năm 2017

- Năm 2018, số doanh nghiệp phá sản, dừng hoạt động ở mức rất cao: 106.965 doanh nghiệp. Năm 2017 số doanh nghiệp phá sản dừng hoạt động là 72.666 doanh nghiệp

Thị trường chứng khoán: khởi sắc ba quý đầu năm, suy giảm cuối năm.

- Chỉ số VN Index giảm 9,31% (Đầu năm 984,24 điểm, cuối năm 892,54 điểm)

- Chỉ số HNX Index giảm 10,80% (Đầu năm 116,86 điểm, cuối năm 104,23 điểm)

- Giá trị giao dịch trung bình ngày 6.600 tỷ đồng tăng 30,38% so với mức 5.062 tỷ đồng năm 2017. Giao dịch thỏa thuận và giao dịch của các mã đầu cơ đặc biệt lớn.

- Số lượng tài khoản nhà đầu tư toàn thị trường là 2.182.327 tăng 13,57% so với năm 2917 (1.921.554 tài khoản)

- Số công ty Chứng khoán quá nhiều so với quy mô thị trường. Cạnh tranh khốc liệt cả về thị phần, khách hàng và nhân sự.

Các sự kiện quan trọng với Thị trường chứng khoán trong năm 2018:

- VN Index lập đỉnh cao nhất 1.204,3 điểm ngày 09/04/2018

- FTSE đưa thị trường Việt nam vào danh sách xem xét nâng hạng lên thị trường mới nổi

- HNX thêm 15 phút giao dịch sau giờ với lệnh PLO

- Cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước sau các thương vụ lớn đầu năm rất ít chuyển động

- HOSE dừng giao dịch 02 ngày do sự cố hệ thống công nghệ

- HOSE dự kiến ra mắt Covered Warrant quý 2/2018 nhưng đến nay chưa ra mắt



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2017	TH năm 2018	% Tăng trưởng
Tổng Doanh thu thực hiện (*)	Tỷ VNĐ	339	476	40,24%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện (**)	Tỷ VNĐ	217	290	33,50%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện / Vốn điều lệ	%	21,93	26,61	21,36%
Số lượng nhân viên	Người	306	335	9,48%
Số tài khoản khách hàng	Tài khoản	119.525	131.368	9,91%

Tình hình thực hiện kết quả kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2018	TH năm 2018	TH 2018/KH 2018 (%)
Tổng Doanh thu thực hiện	Tỷ VNĐ	345	476	138,06 %
Lợi nhuận trước thuế thực hiện	Tỷ VNĐ	220	290	132,21 %
Lợi nhuận trước thuế thực hiện/ Vốn điều lệ	%	20,13%	26,61	132,21%
Số lượng nhân viên	Người	330	335	101,52 %
Số tài khoản khách hàng	Tài khoản	130.000	131.368	101,05%

(*) Doanh thu thực hiện = Doanh thu hoạt động kinh doanh + Doanh thu tài chính mà không tính các khoản doanh thu chưa thực hiện do chênh lệch tăng đánh giá lại các Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ - ở đây chủ yếu là khoản đánh giá lại đối với cổ phiếu MSH

(**) Lợi nhuận trước thuế thực hiện: Là lợi nhuận trước thuế nhưng không tin đến các khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại các Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ - ở đây chủ yếu là khoản đánh giá lại đối với cổ phiếu MSH

Các vấn đề khác

Tổ chức, nhân sự:

Trong năm 2018 về cơ bản Công ty đã giữ nguyên cơ cấu, quy mô, tổ chức, nhân sự. Nhân sự đầu năm 306 người, cuối năm 335 người.

Công nghệ:

- Sản phẩm mới:

+ Phát triển và đưa vào vận hành sản phẩm EzFUTURE

+ Phát triển hệ thống sẵn sàng phục vụ giao dịch Covered Warrant

+ Phát triển hệ thống giao dịch lệnh PLO sàn HNX.

- Vận hành hệ thống công nghệ ổn định phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Khác:

- Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5% và bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%.

Theo đó vốn điều lệ của FPTC tăng 10% lên mức 1.093.136.880.000 đ

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

Tình hình tài sản

STT	Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% Tăng trưởng
		Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
1	Tài sản ngắn hạn	1.594,83	88,78%	2.294,77	91,73%	43,89%
	Tài sản tài chính	1.588,77	88,44%	2.290,69	91,56%	44,18%
	Tài sản ngắn hạn khác	6,06	0,34%	4,08	0,16%	-32,67%
2	Tài sản dài hạn	201,64	11,22%	206,94	8,27%	2,63%
	Tài sản cố định	179,21	9,98%	174,92	6,99%	-2,39%
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0,83	0,05%	-	-	-
	Tài sản dài hạn khác	21,6	1,20%	32,01	1,28%	48,19%
3	Tổng tài sản	1.796,46	100,00%	2.501,71	100,00%	39,26%

Nợ phải trả

STT	Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% Tăng trưởng
		Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
1	Nợ phải trả ngắn hạn	243,67	100,00%	526,54	100,00%	116,09%
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	102,5	42,07%	477,2	90,63%	365,56%
	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	16,69	6,85%	14,14	2,69%	-15,28%
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8,82	3,62%	11,86	2,25%	34,47%
	Phải trả người lao động	4,18	1,71%	10,32	1,96%	146,89%
	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	104,56	42,91%	4,49	0,85%	-95,71%
	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác	6,93	2,84%	8,53	1,62%	23,09%
2	Nợ phải trả dài hạn	-	0,00%	-	0,00%	0,00%

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

Dự báo thị trường năm 2019

Kinh tế thế giới:

- FED dự kiến tăng lãi suất thêm 02 lần mỗi lần 0,25% trong năm 2019
- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung
- Giá dầu ảnh hưởng đến kinh tế Việt nam như: Tăng trưởng GDP, lạm phát, thu Ngân sách, ...

Kinh tế trong nước:

- GDP tăng 6,6% - 6,8%/ Năm 2018 tăng 7,08%
- CPI tăng khoảng 4%/ Năm 2018 tăng 3,54%
- Nhập siêu dưới 3% kim ngạch xuất khẩu/ Năm 2018 xuất siêu 7,21 tỷ USD
- Tăng trưởng tín dụng 14%/ Năm 2018 tăng 13,30%
- Bội chi ngân sách 222 ngàn tỷ VNĐ tương đương 3,6% GDP/ Năm 2018 bội chi ngân sách khoảng 0,4 ngàn tỷ VNĐ.

Thị trường chứng khoán:

- Thị trường chứng khoán khó khăn, thanh khoản suy giảm
- Số lượng tài khoản nhà đầu tư tăng trưởng chậm
- Các công ty Chứng khoán cạnh tranh quyết liệt cả về thị phần, khách hàng và nhân sự do số lượng công ty chứng khoán lớn so với quy mô thị trường.

Các vấn đề ảnh hưởng đến TTCK năm 2018:

- Luật Chứng khoán sửa đổi dự kiến trình Quốc hội năm 2019
- Kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn các DNNN trong năm 2019.

Kế hoạch kinh doanh năm 2019

Chi tiêu	Đơn vị	TH năm 2018	KH năm 2019	% Tăng trưởng
Tổng Doanh thu thực hiện	Tỷ VNĐ	476	350	-26.52 %
Lợi nhuận trước thuế thực hiện	Tỷ VNĐ	290	220	-24.36%
Số lượng nhân viên	Người	335	350	4.48%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện/ Vốn điều lệ	%	26,61%	18.30%	31.24

Các vấn đề khác

Nhân sự:

- Giữ nguyên cơ cấu, quy mô, tổ chức, nhân sự
- Nhân sự đầu năm 335 người, cuối năm 350 người.

Công nghệ:

- Nâng cấp và hoàn thiện sản phẩm EzFUTURE
- Nâng cấp Website FPTs
- Thay đổi hệ thống để kết nối với hệ thống công nghệ mới của Sở GD&ĐT dự kiến vận hành đầu năm 2020
- Hỗ trợ tốt cho mọi hoạt động kinh doanh của FPTs.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Trong năm 2018, công ty nằm trong TOP 10 về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) và trong TOP 10 về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

Thị phần môi giới về cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2018 tại hai Sở giao dịch chứng khoán HOSE và HNX lần lượt là 3,34% và 4,93% (Thị phần môi giới năm 2017 tại HOSE là 3,23% và tại HNX là 4,21%).

Năm 2018, công ty tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các sản phẩm công nghệ hiện có, đồng thời đã phát triển và đưa vào vận hành sản phẩm EzFuture, phát triển hệ thống phục vụ giao dịch sau giờ với lệnh PLO (HNX) và giao dịch Covered Warrant (HOSE).

Năm 2018, về cơ bản công ty giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động.

Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện năm 2018 đạt hơn 476 tỷ đồng tăng hơn 40% so với năm 2017. Tổng lợi nhuận trước thuế đã thực hiện cả năm 2018 đạt 290 tỷ đồng tăng hơn 33% so với năm 2017.

Trong năm 2018, công ty đã mở mới 11.991 tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2018 là 131.368 tài khoản.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Căn cứ Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày của công ty.

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục nên việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát nhịp nhàng và hiệu quả. Việc điều hành kinh doanh của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng quản trị và của Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Định kỳ hàng quý Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, những khó khăn, thuận lợi phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, Hội đồng quản trị tổ chức họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong quý và yêu cầu triển khai công việc mới theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để ra.

Trong năm Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt

duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và đột xuất.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý. Năm 2018, tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty CP Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2018 của công ty là khá tốt trong khối các công ty chứng khoán.



PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kế hoạch hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty CP Chứng khoán FPT. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông của công ty.

Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát,

đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Kế hoạch kinh doanh năm 2019

CHỈ TIÊU	TH 2018	KH 2019	+/-	% Tăng trưởng
Tổng doanh thu thực hiện (tỷ đồng)	476	350	-26.52 %	1.58%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện (tỷ đồng)	290	220	-24.36%	0.97%
Nhân viên (người)	335	350	4.48%	7.84%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện/ Vốn điều lệ	26,61%	18.30%	31.24	-8,21%

KẾT LUẬN

Trong năm 2018, công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế là 542 tỷ đồng trong đó lợi nhuận trước thuế đã thực hiện là 290 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế chưa thực hiện là 252 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của Công ty là khá tốt trong khối các công ty chứng khoán.

Hội đồng quản trị công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 09 năm 2017 và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty CP chứng khoán FPT. Hội đồng quản trị đã thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại.

Năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Công ty CP chứng khoán FPT mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó của các Quý cổ đông để cùng vượt qua mọi thách thức và hoàn thành những mục tiêu dài hạn của Công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Điệp Tùng	CT HĐQT	3.574.998	3,27040%
2	Ông Đỗ Sơn Giang	TV HĐQT	274.291	0,25092%
3	Ông Nguyễn Khắc Thành	TV HĐQT	159.007	0,14546%
4	Ông Shuzo Shikata	TV HĐQT	0	0%
5	Ông Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT	322.080	0,29464%

Hoạt động của HĐQT năm 2018

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự buổi họp
1	Ông Nguyễn Điệp Tùng	CT HĐQT	4/4	100,00%	
2	Ông Đỗ Sơn Giang	TV HĐQT	4/4	100,00%	
3	Ông Nguyễn Khắc Thành	TV HĐQT	4/4	100,00%	
4	Ông Shuzo Shikata	TV HĐQT	4/4	100,00%	
5	Ông Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT	3/4	75,00%	Là thành viên HĐQT kể từ ngày 10/4/2018
6	Ông Nguyễn Văn Trung	TV HĐQT	1/4	25,00%	Không còn là thành viên HĐQT kể từ ngày 10/4/2018



Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2018

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	15/01/2018	Quyết định miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Trung thôi giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
2	02-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	15/01/2018	Quyết định bổ nhiệm Bà Trương Nữ Thu Lan chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
3	03-2017/QĐ/HĐQT/ FPTS	16/01/2018	Quyết định ban hành Chính sách Quản trị rủi ro FPTS năm 2018
4	01-2018/NQ/HĐQT/ FPTS	25/01/2018	1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch kinh doanh năm 2018; 2. Thông qua việc thực hiện mua cổ phiếu lô lẻ làm cổ phiếu quỹ 3. Thông qua việc bổ sung tên gọi chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tại Thành phố Hồ Chí Minh 4. Thông qua việc thành lập Phòng giao dịch Kỳ Đông thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh 5. Thông qua Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
5	04-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	31/01/2018	Thông qua kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng Việt Á chi nhánh Hà Nội
6	05-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	31/01/2018	Ban hành lại Hệ thống thanh lương, Bảng lương FPTS
7	06-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	1/2/2018	Ban hành Quy định về định mức mua sắm, chi phí xe ô tô
8	07-2018/NQ/HĐQT/ FPTS	28/02/2018	Thông qua kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng Việt Á chi nhánh Hà Nội
9	08-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	28/02/2018	Họp Đại hội đồng cổ đông năm 2018
10	09-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	30/03/2018	Miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Phương Anh thôi giữ chức vụ Người phụ trách Quản trị công ty kiêm Thư ký công ty - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
11	10-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	30/3/2018	Cử bà Trịnh Thanh Hằng làm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
12	02-2018/NQ/HĐQT/ FPTS	10/4/2018	1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động Quý 1 năm 2018 và Kế hoạch kinh doanh Quý 2 năm 2018 2. Thông qua việc bầu ông Nguyễn Điệp Tùng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị CCP Chứng khoán FPT nhiệm kỳ 2018-2023 3. HĐQT thống nhất triển khai thực hiện việc trả cổ tức bằng tiền và Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được ĐHCĐ thông qua

Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2018

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
13	11-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	18/04/2018	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01-2018/NQ/ĐHĐCĐ/FTPS ngày 10/04/2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
14	12-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	2/5/2018	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2017 bằng tiền và bằng cổ phiếu
15	13-2018/NQ/HĐQT/ FPTS	11/6/2018	Ủy quyền bà Đỗ Ngọc Anh đại diện Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Giấy xác nhận sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
16	14-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	11/6/2018	Ủy quyền Bà Nguyễn Thu Hồng đại diện Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Giấy xác nhận sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
17	15-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	11/6/2018	Ủy quyền Bà Cù Anh Thư đại diện Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Giấy xác nhận sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
18	03-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	20/6/2018	Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Phòng định chế tài chính - VIB Hội Sở
19	14-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	31/07/2018	Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2018 và kế hoạch kinh doanh Quý 3 năm 2018
20	14-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	19/09/2018	Ủy quyền cho ông Lê Minh Việt - Giám đốc Lưu ký và Quản lý cổ đông, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT được đại diện
21	14-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	1/11/2018	Ban hành Quy định Quản trị rủi ro FPTS năm 2018
22	14-2018/QĐ/HĐQT/ FPTS	6/11/2018	1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2018 và Kế hoạch kinh doanh Quý 4 năm 2018; 2. Thông qua việc ký Hợp đồng hạn mức vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) 3. Thông qua việc thành lập phòng giao dịch Trần Bình Trọng thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Các tiêu ban trực thuộc HĐQT

Công ty không thành lập tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Đỗ Thị Hương	Trưởng BKS	16	0.00002%
2	Bà Nguyễn Thị Phương	TV BKS	54,208	0.05%
3	Ông Tomohiro Yamaguchi	TV BKS	0	0.00%

Hoạt động của BKS trong năm 2018

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia các buổi làm việc về Chiến lược hoạt động của Công ty
- Tham gia tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2018
- Tham gia họp HĐQT thông qua việc bầu ông Nguyễn Điệp Tùng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán FPT nhiệm kỳ 2018-2023
- Tham gia các buổi họp HĐQT định kỳ hàng quý
- Tham gia các buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện hàng quý
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và Ban Tài chính kế toán chuẩn bị
- Tham gia họp HĐQT thông qua việc mua cổ phiếu FPTS lô lẻ làm cổ phiếu quỹ
- Tham gia họp HĐQT thông qua kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng Việt Á chi nhánh Hà Nội
- Tham gia họp HĐQT thông qua việc ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Phòng định chế tài chính – VIB Hội Sở
- Tham gia họp HĐQT thông qua việc ký Hợp đồng hạn mức vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
- Tham gia họp HĐQT thông qua việc thành lập Phòng giao dịch Kỳ Đồng thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Tham gia họp HĐQT thông qua việc thành lập phòng giao dịch Trần Bình Trọng thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự buổi họp
1	Bà Đỗ Thị Hương	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Phương	TV BKS	2/2	100%	
3	Eiichiro So	TV BKS	2/2	100%	Là thành viên BKS kể từ ngày 10/4/2018
4	Ông Tomohiro Yamaguchi	TV BKS	0/2	0%	Không còn là thành viên BKS kể từ ngày 10/4/2018

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Đến hết năm 2018 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của kiểm toán.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty chứng khoán FPT. Ban Kiểm soát cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty CP Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2018 là khá tốt trong khối các công ty chứng khoán.

THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

HĐQT, BKS của Công ty không nhận thù lao

Ban Lãnh đạo Công ty CP Chứng khoán FPT trong năm qua đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ tiện ích cho các nhà đầu tư, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Đầu năm 2018 Hội đồng quản trị công ty đã thông qua chính sách quản lý rủi ro năm 2018.

Ban Kiểm soát cho rằng, năm 2019 Hội đồng Quản trị tiếp tục cần có cái nhìn thận trọng, không chủ quan, cần đánh giá kỹ các tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, lường trước các rủi ro để xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và có các

Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

CÁC GIAO DỊCH

Giao dịch cổ phiếu của NNB và người có liên quan của NNB

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỉ lệ	Số cổ phiếu	Tỉ lệ	
1	Trịnh Hữu Thắng	Con của Thành viên BKS	2527	0,00231	11579	0,01059	Mua thêm 8000 cổ phiếu

Giao dịch của NNB, người liên quan của NNB với công ty con, công ty do FPTS nắm quyền kiểm soát: Không có

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền (VNĐ)
1	Công ty Cổ phần FPT	Cổ đông lớn (20% Vốn điều lệ)	Phí lưu ký, Phí quản lý cổ đông chưa tái lưu ký, Phí tư vấn tổ chức Đại hội cổ đông,	132.813.414

Giao dịch của Công ty với các bên liên quan

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền (VNĐ)
1	Công ty Cổ phần (CTCP) Viễn Thông FPT	Bên có liên quan	Phí tư vấn tổ chức Đại hội cổ đông, Phí quản lý cổ đông chưa tái lưu ký	168.300.000
2	CT TNHH Dịch vụ tin học FPT	Bên có liên quan	Thiết bị tin học, dịch vụ tin học	193.355.536
3	CT TNHH Hệ thống thông tin FPT	Bên có liên quan	Dịch vụ bảo trì, dịch vụ chữ ký số, Thiết bị thoại	809.164.000
4	Chi nhánh CT TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	Bên có liên quan	Cước dịch vụ viễn thông	553.482.600
5	Công ty TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT	Bên có liên quan	Cước dịch vụ viễn thông	33.264.000
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Bên có liên quan	Chi phí đường truyền	104.280.000
7	Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ tin học FPT	Bên có liên quan	Thiết bị tin học	9.691.000
8	Công ty CP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Bên có liên quan	Phí tư vấn Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018 và Lập Báo cáo thường niên năm 2017, phí quản lý cổ đông	84.700.000
9	Công ty TNHH Đầu tư FPT	Bên có liên quan	Phí chuyển nhượng chứng khoán	56.364.000

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2018, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản trị công ty như công bố thông tin, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, xây dựng Điều lệ - Quy chế quản trị. Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ tham gia các hội thảo, tập huấn về Thị trường chứng khoán phái sinh do Ủy ban chứng khoán nhà nước và các sở giao dịch chứng khoán tổ chức.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Chú trọng quản trị rủi ro, Hội đồng quản trị đã cử một (01) thành viên chuyên trách thực hiện chức năng Quản trị rủi ro. Công ty thành lập bộ phận Quản trị rủi ro, hoạt động độc lập với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác. Công ty đã xây dựng chính sách quản trị rủi ro hàng năm, nhận diện các rủi ro mà Công ty có thể gặp phải, xây dựng hạn mức rủi ro, các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro. Công ty đã ban hành quy trình quản lý rủi ro và định kỳ được xem xét lại đảm bảo kịp thời nhận diện các rủi ro mới có thể xảy ra và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro tại FPT.

Mọi cán bộ FPT có trách nhiệm nhận diện các rủi ro có thể phát sinh gây ảnh hưởng đến tên tuổi, hình ảnh, uy tín, thương hiệu của FPT, gây thiệt hại cho FPT, cán bộ, cổ đông, khách hàng, đối tác của FPT và có các biện pháp quản trị các rủi ro đó trong phạm vi công việc, trách nhiệm của mình. Mọi cán bộ FPT có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty.

Các cán bộ quản lý có trách nhiệm xây dựng các quy định, quy trình công việc cụ thể để phòng tránh rủi ro trong phạm vi đơn vị mình quản lý, báo cáo về tình hình rủi ro và quản lý rủi ro, đề xuất các biện pháp, quy định quản lý rủi ro chung của FPT cho Tổng giám đốc FPT. Cán bộ quản lý rủi ro chịu trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra việc tuân thủ các quy định, quy trình nội bộ về quản lý rủi ro của các bộ phận theo quy định. Phụ trách bộ phận quản lý rủi ro, cán bộ quản lý rủi ro có trách nhiệm báo cáo về tình hình rủi ro và quản trị rủi ro cho Tổng giám đốc FPT và HĐQT FPT.

Ngoài ra, Công ty cũng Ứng dụng tối đa các công nghệ mới để xây dựng, duy trì Hệ thống giao dịch tiện ích, hiệu quả cho khách hàng; Hệ thống quản trị nội bộ hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh (quản trị tài chính Ezfam, quản trị nhân sự EzHRM)... qua đó giúp ban lãnh đạo (Hội đồng quản trị, Ban giám đốc có thể nhận diện sớm rủi ro từ đó đưa ra các quyết định quản trị, điều hành phù hợp).

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đối với nhân sự

Công ty coi nhân sự là yếu tố then chốt, quyết định đến thành bại của hoạt động kinh doanh. Vì vậy, thời gian tới, Công ty có những phương hướng sau:

- Tập trung tuyển dụng những nhân sự có chất lượng;
- Chú trọng đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Xây dựng chính sách lương – thưởng cạnh tranh và hợp lý để thu hút và giữ chân nhân tài;
- Chăm lo toàn diện đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ nhân viên;
- Tạo dựng văn hóa doanh nghiệp cởi mở, hòa đồng và giàu tính nhân văn.

Đối với cộng đồng xã hội

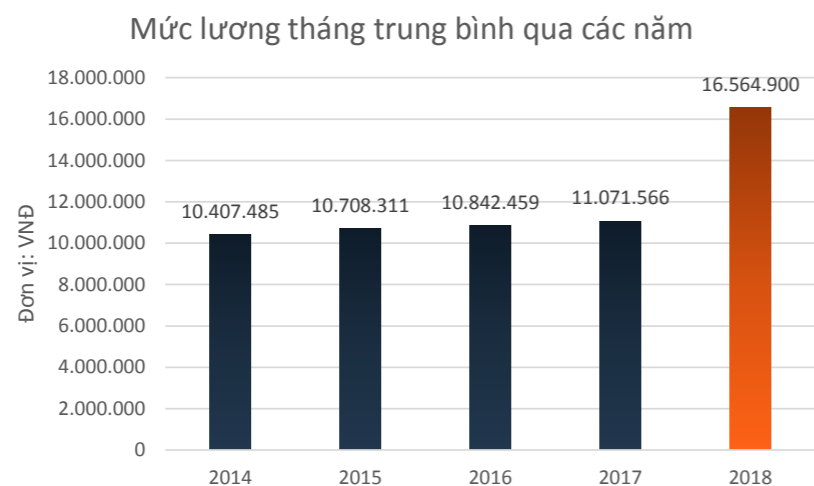
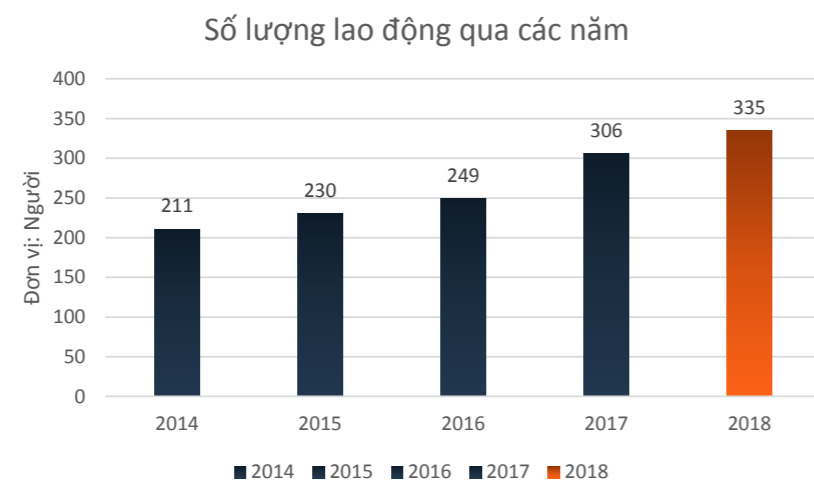
- Mang tới giá trị ngày càng cao và bền vững cho cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư
- Nâng cao tính công khai – minh bạch của thị trường chứng khoán
- Chia sẻ các giá trị tốt đẹp cho xã hội
- Truyền cảm hứng và động lực cho giới trẻ

Đối với môi trường

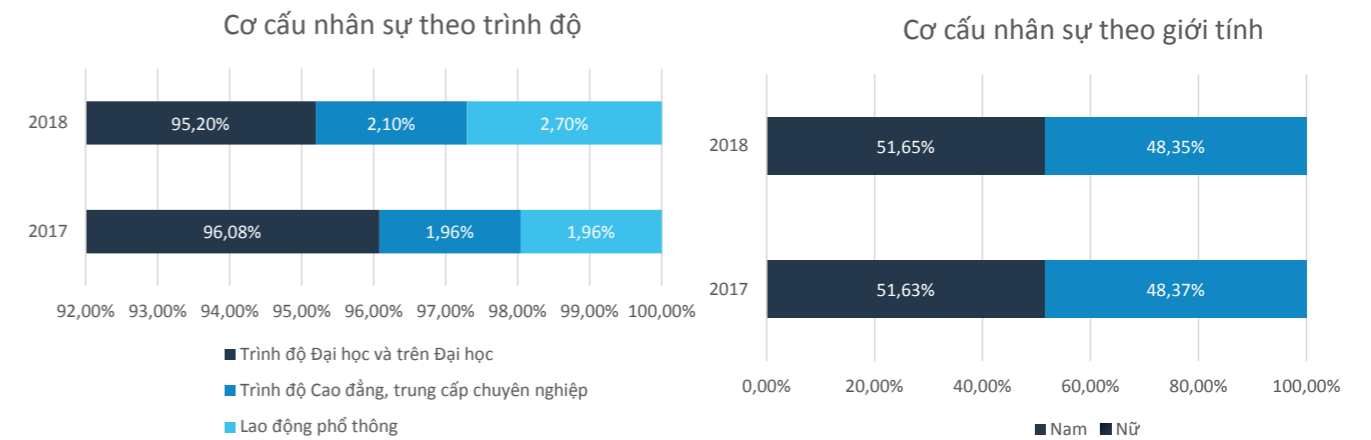
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về môi trường
- Sử dụng tiết kiệm năng lượng, hạn chế các ảnh hưởng gián tiếp đến môi trường.

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

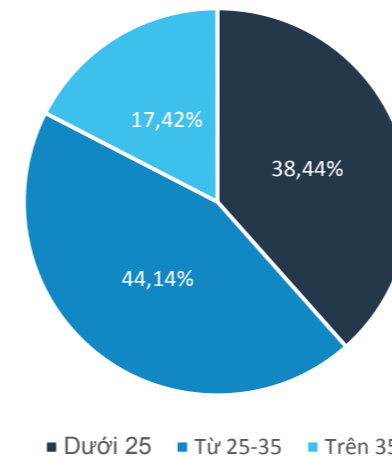
Thống kê số lượng nhân sự và mức lương trung bình



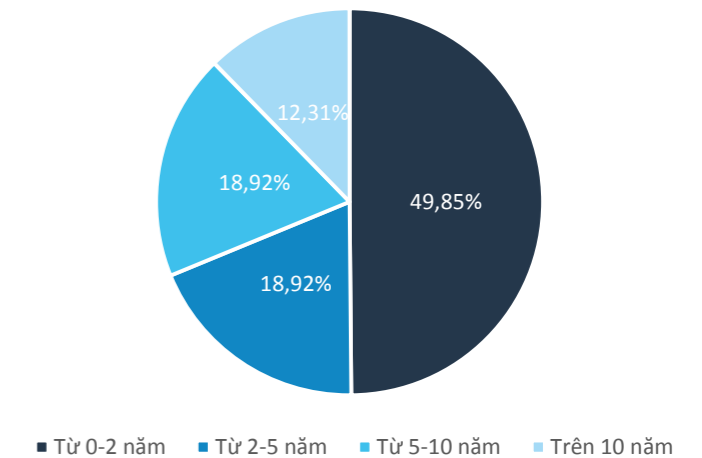
Cơ cấu nhân sự



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



Cơ cấu nhân sự theo thời gian làm việc



Đào tạo nhân sự

Xác định “Con người” là một trong hai yếu tố cốt lõi để phát triển, năm 2018 FPTS tiếp tục chú trọng nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng cho đội ngũ nhân sự thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài Công ty.

Trong năm 2018, hoạt động đào tạo của công ty có những điểm nổi bật sau:

Đào tạo nội bộ công ty:

- Chương trình đào tạo “tân binh” dành cho nhân viên mới

- Chương trình đào tạo chế độ BHXH – BHYT – BHTN

- Chương trình đào tạo Broker

- Chương trình đào tạo dành cho các manager

Đào tạo bên ngoài công ty:

Tham gia các khóa học, tập huấn của UBCKNN và các Sở GD&ĐT

Chính sách phúc lợi

- Toàn bộ cán bộ nhân viên của FPTS được Công ty mua gói BH FPT Care. Giá trị của FPT Care cho 1 năm lên tới 190 triệu đồng/ người để bảo hiểm cho các

trường hợp tai nạn, tử vong, ốm đau – thương tật hay chi trả viện phí nội trú và khám ngoại trú.

- Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho CBCNV của Công ty tham quan, nghỉ mát, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc.

- Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV, ...).

- Để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ nhân viên, Công ty đã thành lập nhà ăn với nguồn thực phẩm và đội ngũ đầu bếp chất lượng. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng bữa ăn mà còn giúp cán bộ nhân viên FPTS thuận tiện và chủ động hơn trong công việc.

- Bên cạnh đó, để giúp cán bộ nhân viên thư giãn và tăng cường sức khỏe sau giờ làm việc, Công ty đã có phòng thể thao – giải trí. Tại đây, cán bộ nhân viên có thể thoải mái chơi các bộ môn thể thao mà mình ưa thích như bóng bàn, bi-a, bi lắc, yoga, ...

ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Trải qua 12 năm hình thành và phát triển, FPTS luôn cố gắng mang đến giá trị cao nhất cho thị trường, cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư.

- Đối với doanh nghiệp: Trong năm 2018, FPTS đã hỗ trợ và tư vấn cho hơn 500 doanh nghiệp trong nhiều mảng hoạt động như lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính hay tư vấn quản trị doanh nghiệp.

- Đối với cộng đồng nhà đầu tư:

FPTS thường xuyên mở các lớp đào tạo về đầu tư chứng khoán từ cơ bản cho đến nâng cao.

Bên cạnh đó, tính đến hết năm 2018, FPTS đã mở hơn 131 nghìn tài khoản cho các nhà đầu tư và là công ty chứng khoán có số tài khoản cá nhân lớn nhất tại Việt Nam.

- Đối với thị trường: Thông qua những sản phẩm dịch vụ như Công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư hiệu quả với Cổng thông tin trực tuyến Ezsearch, Quản lý cổ đông trực tuyến Ezlink và Tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ với sản phẩm ĐHĐCĐ trực tuyến EzGSM, ... FPTS đã góp một phần vào quá trình nâng cao chất lượng quản trị công ty, tính công khai – minh bạch của công ty đại chúng cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam.

Một số chương trình đào tạo của FPTS nhằm giúp nhà đầu tư có thêm những kiến thức và kinh nghiệm từ thực tiễn của thị trường chứng khoán Việt Nam:

- Buổi “Đào tạo về Chứng quyền có đảm bảo” cho nhà đầu tư tại Hà Nội vào tháng 3/2018;

- Lớp học Đầu tư Chứng khoán cho nhà đầu tư tại Hà Nội vào tháng 6/2018;

- Lớp học Đầu tư Chứng khoán cho nhà đầu tư tại Đà Nẵng vào tháng 10/2018;

- Hội thảo nhà Đầu tư về Dệt may và Ngành Hàng không cho nhà đầu tư tại Đà Nẵng vào tháng 6/2018;

- Hội thảo về Phương pháp nhận diện rủi ro từ Báo cáo tài chính và các cơ hội đầu tư ngành Hàng không tháng 9/2018 tại Đà Nẵng.

- Hội thảo “Một số thủ thuật gian lận Báo cáo tài chính và cách phát hiện” vào tháng 12/2018 tại Đà Nẵng.

THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, vì vậy các sản phẩm dịch vụ của Công ty không ảnh hưởng nhiều và trực tiếp đến môi trường. Tuy nhiên, Công ty cũng luôn luôn nắm bắt và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật đối với môi trường. Bên cạnh đó, để giảm thiểu các tác động gián tiếp đến môi trường, Công ty đã đẩy mạnh nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong sử dụng điện, nước và các văn phòng phẩm.

Tiêu thụ điện

	Tiêu chí	2018	Các biện pháp/chương trình tiết kiệm điện năm 2018
1	Lượng điện tiêu thụ năm 2018 (KWh)	590.400 KWh	Bật, tắt hệ thống điện và hệ thống điều hòa đúng giờ quy định. Để nhiệt độ điều hòa ở mức nhiệt độ trung bình (25 độ)
2	Chi phí tiền điện năm 2018 (VNĐ)	1.759.546.272 (VNĐ)	

Tiêu thụ nước

	Tiêu chí	2018	Các biện pháp tiết kiệm/xử lý nước năm 2018
1	Nhà cung cấp nước năm 2018	Công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà Nội, Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Ba Đình	Sử dụng hệ thống van ngắt nước tự động,
1	Lượng nước tiêu thụ năm 2018 (m3)	2.374 (m3)	
2	Chi phí tiền nước năm 2018 (VNĐ)	32.778.695 (VNĐ)	



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT Báo cáo tài chính Năm 2018



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: (028).38 205.942

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2018	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2018	11 – 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2018	14 – 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2018	17 – 18
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2018	19 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 06 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 06 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 01 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 06 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08/06/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng Khoán.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông.

Trụ sở chính tại Hà Nội: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội.

Công ty có 02 chi nhánh:

- **Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh:** Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Chủ tịch
Ông Shuzo Shikata	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Eiichiro So	Thành viên

Bà Nguyễn Thị Phương

Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình thu nhập toàn diện riêng, tình hình tài chính riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Diệp Tùng

Số: 32/BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

- Kính gửi:
- Các cổ đông
 - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT
 - Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 kèm theo của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được lập ngày 31 tháng 01 năm 2019 từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018; Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2018; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2018; Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT cho năm 2018 kết thúc tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



Điền Thế Đường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2018-142-1

Kiểm toán viên

Đàm Minh Thúy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1547-2018-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	I	2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		2.294.771.906.353	1.594.825.417.534
I. Tài sản tài chính	110		2.290.690.175.641	1.588.768.944.224
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.7.1	458.055.059.707	170.509.389.350
1.1. Tiền	111.1		218.055.059.707	170.509.389.350
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		240.000.000.000	
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	A.7.3.1	268.753.379.878	16.874.544.264
4. Các khoản cho vay	114	A.7.3.2	1.560.722.678.544	1.399.031.164.975
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.7.4	(10.884.281.110)	(10.885.263.725)
7. Các khoản phải thu	117		11.597.593.865	8.619.704.273
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	A.7.5.1	11.597.593.865	8.619.704.273
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		100.549.041	166.741.982
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		11.497.044.824	8.452.962.291
8. Trả trước cho người bán	118		436.219.118	1.450.729.486
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.7.5.3	1.575.628.189	2.469.540.796
12. Các khoản phải thu khác	122	A.7.5.4	624.047.450	898.304.805
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.7.6	(190.150.000)	(199.170.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		4.081.730.712	6.056.473.310
1. Tạm ứng	131			
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	A.7.7	1.749.208.938	3.033.473.109
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A.7.8a	1.273.695.730	1.201.397.994
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		8.800.000	8.800.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		1.017.816.455	1.796.913.951
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		32.209.589	15.888.256
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		206.941.009.820	201.638.256.558
I. Tài sản tài chính dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		174.929.035.286	179.209.995.582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	A.7.10	155.722.047.274	159.760.232.618
- Nguyên giá	222		214.364.771.679	208.489.444.298
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(58.642.724.405)	(48.729.211.680)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	A.7.11	19.206.988.012	19.449.762.964
- Nguyên giá	228		43.672.561.761	43.672.561.761
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(24.465.573.749)	(24.222.798.797)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	A.7.12		831.168.000
V. Tài sản dài hạn khác	250		32.011.974.534	21.597.092.976
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		849.750.570	639.750.570
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.7.8b	1.161.805.344	957.342.406
4. Tiền nộp quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A.7.9	30.000.418.620	20.000.000.000
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.501.712.916.173	1.796.463.674.092

7

6

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đvt : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		526.536.414.023	243.666.322.423
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		526.536.414.023	243.666.322.423
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	A.7.29	477.200.000.000	102.500.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		477.200.000.000	102.500.000.000
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313			
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	A.7.23		24.000.000
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.7.27	138.028.883	781.889.079
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.706.560.000	1.745.064.239
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.7.25	14.137.880.459	16.685.341.507
11. Phải trả người lao động	323		10.317.522.364	4.177.880.000
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		919.293.862	863.566.428
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.7.26	5.761.469.418	3.511.212.253
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.7.28	4.496.272.052	104.562.318.036
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330			
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		11.859.386.985	8.815.050.881
II. Nợ phải trả dài hạn	340			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		1.975.176.502.150	1.552.797.351.669
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.975.176.502.150	1.552.797.351.669
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.294.811.425.250	1.195.442.825.600
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.093.136.880.000	993.769.520.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.093.136.880.000	993.769.520.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b			
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		201.678.133.850	201.676.192.640
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		(3.588.600)	(2.887.040)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		57.823.247.889	48.866.408.602
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		57.823.247.889	48.866.408.602
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.7.33	564.718.581.122	259.621.708.865
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		312.553.706.851	259.540.156.789
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		252.164.874.271	81.552.076
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		2.501.712.916.173	1.796.463.674.092

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận thế chấp	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		109.313.434	99.376.673
7. Cổ phiếu quỹ	007		254	279
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	A.7.13	863.450.000	977.350.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	A.7.14	3.580.000	7.620.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	A.7.15	67.467.300.000	35.066.760.000
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013	A.7.16	200.000	30.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	A.7.17	15.957.898.360.000	13.498.338.970.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		14.760.903.790.000	12.337.136.690.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		143.736.990.000	95.096.200.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		900.136.150.000	864.834.950.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		1.226.000.000	
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		151.895.430.000	201.271.130.000
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6			
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	A.7.18	90.619.920.000	220.291.490.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		23.544.390.000	159.475.840.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		67.075.530.000	60.815.650.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3			
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4			
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	A.7.19	139.030.170.000	177.048.910.000
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a			
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b			
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	A.7.20	14.151.970.000	565.470.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
7. Tiền gửi của khách hàng	026		972.197.603.564	1.355.223.966.054
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	A.7.21	970.104.910.039	1.354.078.352.079
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028			
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029			
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1			
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2			
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	A.7.22	2.092.693.525	1.145.613.975
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	A.7.30	970.104.910.039	1.354.078.352.079
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		957.690.295.018	1.298.318.059.048
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		12.414.615.021	55.760.293.031
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032			
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033			
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034			
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		2.092.693.525	1.145.613.975

Người lập biểu

Trần Thị Thu Chung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Tổng giám đốc



Nguyễn Diệp Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Năm 2018

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		284.551.056.836	18.814.319.492
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	B7.35.1	163.441.919	420.495.205
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ *	01.2	B7.35.2	252.174.785.127	167.075.264
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	B7.35.3	32.212.829.790	18.226.749.023
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02			
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	B7.35.3	207.641.257.711	143.222.354.016
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		171.354.530.195	129.141.723.487
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		270.000.000	
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08			
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		11.985.756.004	9.086.017.396
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		18.594.588.350	16.047.275.092
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	B7.35.4	846.725.793	193.159.629
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 1->11)	20		695.243.914.889	316.504.849.112
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		257.498.521	110.944.251
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	B7.35.1	166.035.589	25.421.063
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL*	21.2	B7.35.2	91.462.932	85.523.188
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	B7.37	26.968.612.727	1.179.176.342
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phát sinh phòng ngừa rủi ro	25			
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		1.330.083	1.416.878
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	B7.37	84.063.439.175	58.746.987.543
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28			
2.9. Chi phí nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	29			
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	B7.37	15.201.872.692	11.173.532.211
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		9.379.744.389	7.263.039.228
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	B7.35.5		
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21->32)	40		135.872.497.587	78.475.096.253

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2018

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41			
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	B7.36	33.245.932.757	23.144.067.297
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41- >44)	50		33.245.932.757	23.144.067.297
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	B7.38	4.904.500	
4.2. Chi phí lãi vay	52	B7.38	125.000.000	86.301.370
4.4. Chi phí tài chính khác	55			
Cộng chi phí tài chính (60 = 51->55)	60	B7.38	129.904.500	86.301.370
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61			
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	B7.39	50.531.803.298	43.853.788.367
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 - 60-61-62)	70		541.955.642.261	217.233.730.419
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	B7.40	27.361.664.432	17.495.471.624
8.2. Chi phí khác	72	B7.41	26.365.701.940	16.841.699.308
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		995.962.492	653.772.316
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		542.951.604.753	217.887.502.735
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		290.868.282.558	217.805.950.659
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		252.083.322.195	81.552.076
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		52.971.545.348	38.669.164.917
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B7.42	52.971.545.348	38.669.164.917
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2			
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		489.980.059.405	179.218.337.818
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301			
12.2. Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302			
12.3. Lãi (lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý công ty	303			
12.4. Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304			
Tổng thu nhập toàn diện	400			

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2018

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		4.482	1.803
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		4.482	1.803

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Trần Thị Thu Chung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Q. TÂY HỒ - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Điệp Tùng

501
ÔNG
HIỆP
VỤ
HÌNH
KIỂM
HÓA
T.P.H

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		542.951.604.753	217.887.502.735
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		7.988.292.243	16.181.907.614
- Khấu hao TSCĐ	03		11.423.559.208	10.835.227.974
- Các khoản dự phòng	04		(10.002.615)	1.058.932.435
(- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05			
- Chi phí lãi vay	06		125.000.000	86.301.370
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(506.181.817)	(4.363.634)
- Dự thu tiền lãi	08		(3.044.082.533)	4.205.809.469
- Các khoản điều chỉnh khác	09			
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10		91.462.932	85.523.188
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		91.462.932	85.523.188
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(252.174.785.127)	(167.075.364)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(252.174.785.127)	(167.075.364)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(330.288.043.499)	(244.940.726.627)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		204.486.581	(122.514.542)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(161.691.513.569)	(299.873.965.567)
- Tăng giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		66.192.941	(91.562.896)
- Tăng giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		893.912.607	(785.753.337)
- Tăng giảm các khoản phải thu khác	39		2.051.543.886	6.221.851.646
- Tăng giảm các tài sản khác	40		1.284.264.171	(1.630.766.217)
- Tăng giảm chi phí phải trả (không bao gồm lãi vay)	41		2.226.257.165	1.793.959.606
- Tăng giảm chi phí trả trước	42		(276.760.674)	213.119.779
- Thuế TNDN đã nộp	43		(54.534.654.065)	(34.481.160.252)
- Lãi vay đã trả	44		(125.000.000)	(86.301.370)
- Tăng giảm các khoản phải trả cho người bán	45		(643.860.196)	558.786.326
- Tăng giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		55.727.434	210.558.003
- Tăng giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Không bao gồm Thuế TNDN đã nộp)	47		(984.352.331)	2.668.085.570
- Tăng giảm phải trả người lao động	48		6.139.642.364	594.350.000
- Tăng giảm phải trả phải nộp khác	50		(99.874.168.723)	96.968.234.206
- Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh	51			
- Tiền chi từ các hoạt động kinh doanh	52		(25.079.761.090)	(17.097.647.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(31.431.468.698)	(10.952.868.354)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(6.311.430.912)	(13.697.553.111)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		506.181.817	4.363.634
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63			
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64			
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(5.805.249.095)	(13.693.189.477)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		8.271.000	1.792.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		(7.031.350)	(4.586.400)
3. Tiền vay gốc	73		3.492.800.000.000	335.500.000.000
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1			
3.2. Tiền vay khác	73.2		3.492.800.000.000	335.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(3.118.100.000.000)	(263.000.000.000)
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1			
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2			
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(3.118.100.000.000)	(263.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(49.918.851.500)	(41.643.511.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		324.782.388.150	30.853.694.600
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		287.545.670.357	6.207.636.769
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		170.509.389.350	164.301.752.581
- Tiền	101.1		170.509.389.350	54.301.752.581
- Các khoản tương đương tiền	101.2			110.000.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102			
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		458.055.059.707	170.509.389.350
- Tiền	103.1		218.055.059.707	170.509.389.350
- Các khoản tương đương tiền	103.2		240.000.000.000	
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104			

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1		56.041.740.934.500	43.012.217.045.450
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2		(57.684.206.683.140)	(41.362.595.134.210)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	3			
4. Tiền chi mua chứng khoán ủy thác của khách hàng	4			
5. Thu vay quỹ hỗ trợ thanh toán	5			
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	6			
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	7		1.265.859.918.017	(898.614.317.727)
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	8			
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	9			
10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10			
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(7.367.611.417)	(6.328.004.563)
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12			
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13			
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		1.255.197.915.232	1.024.445.448.346
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(1.254.250.835.682)	(1.027.221.751.735)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(383.026.362.490)	741.903.285.561
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		1.355.223.966.054	613.320.680.493
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		1.354.078.352.079	609.398.763.129
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		1.145.613.975	3.921.917.364
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		972.197.603.564	1.355.223.966.054
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		970.104.910.039	1.354.078.352.079
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		2.092.693.525	1.145.613.975
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	46			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47			

5.011
CÔNG
NHẬN
H VU T
HÍNH K
KIỂM K
HIẾN
T.P.H

Người lập biểu

Trần Thị Thu Chung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Tổng giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
FPT
QUẬN TÂY HỒ, TP HÀ NỘI

Nguyễn Điệp Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
Năm 2018

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong kỳ		Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.105.113.370.000	1.195.445.712.640	90.332.342.640		1.195.445.712.640	1.294.815.013.850
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	903.437.270.000	993.769.520.000	90.332.250.000		993.769.520.000	1.093.136.880.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi						
1.3. Thặng dư vốn cổ phần	201.676.100.000	201.676.192.640	92.640		201.676.192.640	201.678.133.850
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cầu phần vốn						
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu						
2. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.887.040)	(4.586.400)	(1.699.360)	(2.887.040)	(3.588.600)
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	41.537.764.591	48.866.408.602	7.328.644.011		48.866.408.602	57.823.247.889
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	41.537.764.591	48.866.408.602	7.328.644.011		48.866.408.602	57.823.247.889
5. Chính sách đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý						
6. Chính sách tỷ giá hối đoái						
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu						
8. Lợi nhuận chưa phân phối	245.222.060.591	259.621.708.865	179.218.337.818	164.818.689.544	185.048.918.943	564.718.581.122
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (**)	245.222.060.591	259.540.156.789	179.136.785.742	164.818.689.544	184.883.187.148	312.553.706.851
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		81.552.076	81.552.076		165.731.795	252.164.874.271
Cộng	1.433.410.959.773	1.552.797.351.669	284.203.382.080	164.816.990.184	185.042.589.153	1.975.176.502.150
II. Thu nhập toàn diện khác						
Cộng						

Dvt: VND

C. T. H. H. H.
H. H. H. H. H.
H. H. H. H. H.
H. H. H. H. H.

H. H. H. H. H.

Ghi chú (**): Khoản giám của lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối trong năm nay:

- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2017 theo Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2018 như sau:

- + Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ
 - + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi
- Cổ tức 2017 chia cho các cổ đông
- + Cổ tức trả cổ đông bằng tiền mặt
 - + Cổ tức trả cổ đông bằng cổ phiếu

Tổng cộng

8.956.839.287
8.956.839.287
17.913.678.574

49.688.470.000
99.367.360.000
184.883.187.148

Người lập biểu


Trần Thị Thu Chung

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2018

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

1.1. Giấy phép thành lập và hoạt động của CTCK:

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 06 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 06 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 01 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 06 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08/06/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

1.2. Địa chỉ liên hệ của CTCK:

Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

1.3. Điều lệ hoạt động CTCK ban hành tháng 7/2007 và sửa đổi theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 10/04/2018 và sửa đổi phụ lục 01 của điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08/06/2018

1.4. Những đặc điểm chính về hoạt động CTCK

- Quy mô vốn CTCK:

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày lập báo cáo là 1.093.136.880.000 đồng (Một nghìn không trăm chín mươi ba tỷ một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

- Hạn chế đầu tư: Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 về thành lập công ty chứng khoán, Thông tư 07/2016TT-BTC ngày 18/1/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 210/2012/TT-BTC.

- Cấu trúc Công ty chứng khoán:

. Danh sách các công ty con: Không có

. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có

. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

- Danh sách chi nhánh:

Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh Đà Nẵng: 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

2.1. Kỳ kế toán:

a. Năm tài chính hàng năm của CTCK bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.

b. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 13/07/2007 cấp Giấy chứng nhận thành lập CTCK và kết thúc vào ngày 31/12/2007.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Thực hiện kế toán CTCK trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền hiện có của công ty (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng), các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính:

4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của CTCK (tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán):

4.2.1.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)

Việc phân loại Tài sản tài chính thực hiện theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

4.2.1.2 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính: (Nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuế tài sản tài chính, phải trả người bán, các nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán)

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

4.2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) (tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chứng khoán) hoặc giá gốc:

Luật kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, theo đó đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

4.2.2.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua không bao gồm các chi phí phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản tài chính này). Các chi phí mua (phí môi giới, phí giao dịch...) được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, các tài sản tài chính FVTPL được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Số chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng ở khoản mục "Chênh lệch tăng do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ" và khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ".

4.2.2.2 Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM: được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát sinh các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.3 Các khoản cho vay: được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng suy giảm các khoản cho vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS : được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua tài sản tài chính này. Cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính AFS được xác định lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (Kết quả hoạt động riêng khác) tại chi tiêu "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán".

4.2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính.

4.2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

TSTC được dừng ghi nhận khi quyền nhận được luồng tiền từ TSTC hết hạn hoặc khi chuyển giao TSTC cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho đơn vị khác. Nợ tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi nghĩa vụ của đơn vị đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

4.2.5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, đơn vị thực hiện đánh giá các dấu hiệu liên quan đến suy giảm giá trị một tài sản hoặc một nhóm các khoản đầu tư để thực hiện lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

Đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho những khoản vay giao dịch ký quỹ có giá trị tài sản đảm bảo nhỏ hơn nợ gốc.

Dự phòng cụ thể được xác định = (Số dư các khoản cho vay – Giá trị tài sản đảm bảo) x 100%. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định = Số lượng chứng khoán đảm bảo khoản vay x giá thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập dự Phòng.

Trong đó giá thị trường của chứng khoán được trình bày tại điểm 4.2.6.

4.2.6. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC như sau :

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch: Giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá giá.

4.2.7. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp: Không phát sinh

4.2.8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về tình hình Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đầu tư của CTCK có phát sinh cổ tức, tiền lãi

Đơn vị thực hiện đánh giá khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro để lập dự phòng theo quy định. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ thực hiện theo hướng dẫn của nhóm phải thu trình bày tại điểm 4.10.3.

4.2.9. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính): Không phát sinh.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

4.5. Khấu hao và hao mòn:

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 6-25 năm

- Máy móc thiết bị: 3 năm

- Phương tiện vận chuyển: 6 năm

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3-7 năm

- Phần mềm: 3-5 năm

- Quyền sử dụng đất:

+ Quyền sử dụng đất lâu dài: không có khấu hao

+ Quyền sử dụng đất thuê có thời hạn: khấu hao theo thời gian được phép sử dụng đất.

- Tài sản cố định vô hình: 2-3 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về sự suy giảm giá trị của tài sản phi tiền tệ: Không phát sinh.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Không phát sinh.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty con, công ty liên doanh, liên kết): Không phát sinh.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

4.10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:

4.10.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính:

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, ghi chép theo từng giao dịch và từng lần thanh toán.

4.10.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác:

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

4.10.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK:

4.12.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn góp theo Điều lệ công ty mà các thành viên góp vốn, cổ đông của công ty đã thực góp theo tiến độ, kế hoạch góp vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và số vốn huy động của các lần tiếp theo phù hợp với Điều lệ của Công ty.

4.12.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK:

a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện:

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng của công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện:

Là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các TSTC FVTPL hoặc TSTC khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục TSTC lũy kế phát sinh trong kỳ.

4.12.3. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái: Tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Tài chính về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.

a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trong kỳ:

Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

b. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ:

Là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

4.12.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK: (cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ của CTCK).

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

4.13. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập CTCK:

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền

Thực hiện ghi nhận doanh thu, thu nhập từ hoạt động tự doanh các TSTC, doanh thu cung cấp dịch vụ theo quy định của các Chuẩn mực doanh thu và Chuẩn mực các công cụ tài chính có liên quan và các hướng dẫn tại TT210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL: được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

01
VN
VU
NH
HÀ
IA
P



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính:

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Đối với cổ phiếu thưởng, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

- Lãi từ các khoản cho vay: Là khoản lãi phải thu từ khách hàng sử dụng dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ, cho vay giao dịch ứng trước của công ty cung cấp trong kỳ.

- Doanh thu môi giới chứng khoán: Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Doanh thu hoạt động tư vấn: Bao gồm tư vấn đầu tư chứng khoán và doanh thu tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn tài chính và hoàn thiện doanh nghiệp (tư vấn niêm yết, phát hành, hoàn thiện doanh nghiệp ...) Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

- Doanh thu lưu ký: Là khoản phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán thu được của khách hàng khi công ty cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán như đăng ký, lưu ký, chuyển khoản, chuyển quyền sở hữu chứng khoán ... đã hoàn thành.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán theo TT210/2014TT-BTC, Thông tư 334/2016/TT-BTC và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý CTCK:

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

4.16. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác:

a. Ghi nhận thu nhập khác:

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK phát sinh trong kỳ

b. Ghi nhận chi phí khác:

Các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư các TSTC

4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.18. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.19. Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.20. Báo cáo bộ phận:

Công ty theo dõi doanh thu hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động kinh doanh chứng khoán (Hoạt động môi giới chứng khoán; Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Hoạt động lưu ký chứng khoán; Hoạt động tư vấn;.....), hoạt động tài chính.

Công ty quản lý chi phí theo từng hoạt động kinh doanh và khoản mục chi phí.

Đối với tài sản, Công ty không phân bổ theo từng lĩnh vực kinh doanh mà quản lý tập trung ở Trụ sở chính - Hà Nội. Đối với nợ phải trả, Công ty chịu trách nhiệm thanh toán và quản lý rủi ro chung.

5. Quản trị về rủi ro tài chính đối với CTCK

5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

5.2. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Việc cấp tín dụng, hỗ trợ vốn lớn cho một khách hàng có liên quan có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay hoặc khả năng thanh toán của FPTS khi khách hàng đó gặp vấn đề về khả năng thanh toán. Vì vậy FPTS đã ban hành quy định Hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một khách hàng đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

Rủi ro Mã chứng khoán: Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay giảm giá quá nhanh, thậm chí mất hết giá trị hoặc không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy các mã chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định về giao dịch ký quỹ của các sở giao dịch chứng khoán.

5.3. Rủi ro thanh khoản:

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

5.4. Rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi lãi suất của thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong kỳ để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý và có thể cạnh tranh trên thị trường.

Quản lý rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường

Các chứng khoán Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư,... Do giá trị chứng khoán Công ty nắm giữ không nhiều chủ yếu từ việc mua chứng khoán lộ lẽ vì vậy Công ty đánh giá rủi ro về giá cũng như thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay của FPTS nếu chậm thu hồi vốn. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy FPTS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo một cách hợp lý. Ngoài ra FPTS đã xây dựng phần mềm quản lý, quy định mức cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch Margin giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

6. Các chính sách định giá các tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính riêng

A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính riêng

Đơn vị: VND

A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	101.574.824	323.240.935
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	217.953.484.883	170.186.148.415
- Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Á)	240.000.000.000	
Cộng	458.055.059.707	170.509.389.350

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2018	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2018
a) Cửa CTCK		
- Cổ phiếu	163.315	3.220.627.010
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác	1.035	15.302.350
Cộng	164.350	3.235.929.360
b) Cửa Nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	5.731.613.266	113.698.852.767.460
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác	1.807.610	28.456.239.900
Cộng	5.733.420.876	113.727.309.007.360

A.7.3. Các loại tài sản tài chính

7.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản FVTPL	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	14.581.140.674	266.746.014.945	1.335.200.824	1.416.752.900
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.007.364.933	2.007.364.933	15.457.791.364	15.457.791.364
Cộng	16.588.505.607	268.753.379.878	16.792.992.188	16.874.544.264

7.3.2 Các khoản cho vay và phải thu

Khoản cho vay và phải thu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	1.514.718.866.735	1.503.834.585.625	1.307.520.007.644	1.296.634.743.919
Cho vay nghiệp vụ ứng trước	46.003.809.878	46.003.809.878	91.511.157.331	91.511.157.331
Cho vay hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh	1.931	1.931		
Cộng các khoản cho vay	1.560.722.678.544	1.549.838.397.434	1.399.031.164.975	1.388.145.901.250

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.3.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ:
Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK

STT	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm					
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	CL đánh giá kỳ này Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	CL đánh giá kỳ trước Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	FVTPL	16.588.505.607	268.753.379.878	252.341.860.391	176.986.120	268.753.379.878	16.792.992.188	16.874.544.264	167.075.264	85.523.188	16.874.544.264
I.1	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	14.581.140.674	266.746.014.945	252.341.860.391	176.986.120	266.746.014.945	1.335.200.824	1.416.752.900	167.075.264	85.523.188	1.416.752.900
	DCF - CTCP xây dựng số 1	389.840.024	292.380.000		97.460.024	292.380.000	394.840.024	367.201.200		27.638.824	367.201.200
	MSH - CTCP May Sông Hồng	13.450.000.000	265.680.000.000	252.230.000.000		265.680.000.000					
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	741.300.650	773.634.945	111.860.391	79.526.096	773.634.945	940.360.800	1.049.551.700	167.075.264	57.884.364	1.049.551.700
I.2	Cổ phiếu chưa niêm yết CIC8 - CTCP đầu tư xây dựng số 8	2.007.364.933	2.007.364.933			2.007.364.933	15.457.791.364	15.457.791.364			15.457.791.364
	MSH - CTCP May Sông Hồng	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	7.364.933	7.364.933			7.364.933	13.450.000.000	13.450.000.000			13.450.000.000
2	Trái phiếu						7.791.364	7.791.364			7.791.364
3	Tiền gửi có kỳ hạn cố định										
II	AFS	16.588.505.607	268.753.379.878	252.341.860.391	176.986.120	268.753.379.878	16.792.992.188	16.874.544.264	167.075.264	85.523.188	16.874.544.264
	Cộng										

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa của các cổ phiếu trên tại ngày 31/12/2018 trên sàn giao dịch chứng khoán. Công ty không thực hiện đánh giá lại các cổ phiếu chưa niêm yết tại thời điểm 31/12/2018 vì không có đủ thông tin cần về giá trị trường của các cổ phiếu này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính		
Dự phòng suy giảm - Cho vay hoạt động ký quỹ	(10.884.281.110)	(10.885.263.725)
Cộng	(10.884.281.110)	(10.885.263.725)

A.7.5. Các khoản phải thu

A.7.5.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu tiền lãi - giao dịch ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	100.549.041	166.741.982
- Dự thu phí giao dịch ký quỹ và lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	11.497.044.824	8.452.962.291
Cộng	11.597.593.865	8.619.704.273

A.7.5.2. Phải thu hoạt động Margin

1.514.718.866.735 1.307.520.007.644

A.7.5.3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

1.575.628.189 2.469.540.796

7.5.3.1 Phải thu phí môi giới chứng khoán qua các Sở GD 686.178.189 1.183.899.879

7.5.3.2 Phải thu phí môi giới chứng khoán không qua các Sở GD

7.5.3.3 Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư CK

7.5.3.4 Phải thu hoạt động tư vấn khác 889.450.000 1.282.416.667

7.5.3.5 Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán

7.5.3.6 Phải thu dịch vụ khác 3.224.250

A.7.5.4. Phải thu khác 624.047.450 898.304.805

A.7.6. Dự phòng phải thu khó đòi

CTCK phải thuyết minh chi tiết về loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng (chi tiết theo loại, nhóm, đối tượng phải thu khó đòi)

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Số cuối năm				Số đầu năm
				Số đầu kỳ	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ	
4	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	275.400.000		199.170.000	21.890.000	30.910.000	190.150.000	199.170.000
	Công ty cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Shinec	172.000.000		172.000.000			172.000.000	172.000.000
	Công ty CP Lilama 3	13.200.000		3.960.000	2.640.000		6.600.000	3.960.000
	Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	38.500.000		19.250.000	7.700.000	26.950.000		19.250.000
	Công ty CP Vận tải và dịch vụ Hàng Hóa Hà Nội	13.200.000		3.960.000		3.960.000		3.960.000
	Công ty CP Lisemco	38.500.000			11.550.000		11.550.000	
	Cộng	275.400.000		199.170.000	21.890.000	30.910.000	190.150.000	199.170.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vật tư văn phòng	1.749.208.938	3.033.473.109
Cộng	1.749.208.938	3.033.473.109

A.7.8. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn 1.273.695.730 1.201.397.994

(bao gồm: CP đường truyền, quản lý thành viên và kết nối hai sở, bảo hành bảo trì phần mềm thiết bị...)

b. Chi phí trả trước dài hạn 1.161.805.344 957.342.406

(bao gồm: CP đường truyền, phần mềm kế số, sửa chữa nhà cửa...)

Cộng 2.435.501.074 2.158.740.400

A.7.9. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

- Tiền nộp ban đầu 10.120.000.000 120.000.000

- Tiền nộp bổ sung 14.482.731.824 14.482.731.824

- Tiền lãi phân bổ trong năm 5.397.686.796 5.397.268.176

Cộng 30.000.418.620 20.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	161.000.158.256	1.040.790.915	2.323.000.000	44.125.495.127	208.489.444.298
- Mua trong năm	666.584.410	826.300.000		4.818.546.502	6.311.430.912
- Đầu tư XDCB hoàn thành		831.168.000			831.168.000
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		1.040.790.915		226.480.616	1.267.271.531
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	161.666.742.666	1.657.468.000	2.323.000.000	48.717.561.013	214.364.771.679
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.643.634.894	1.040.790.915	331.857.144	36.712.928.727	48.729.211.680
- Khấu hao trong năm	6.618.091.065	241.815.501	331.857.144	3.989.020.546	11.180.784.256
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		1.040.790.915		226.480.616	1.267.271.531
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	17.261.725.959	241.815.501	663.714.288	40.475.468.657	58.642.724.405
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu					
- Tại ngày đầu năm	150.356.523.362		1.991.142.856	7.412.566.400	159.760.232.618
- Tại ngày cuối năm	144.405.016.707	1.415.652.499	1.659.285.712	8.242.092.356	155.722.047.274
Đánh giá theo giá trị hợp lý					

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.430.796.134 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.11. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	19.257.558.796	7.459.423.280	16.588.002.785	367.576.900	43.672.561.761
- Mua trong năm					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tạo ra từ nội bộ Công ty					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	19.257.558.796	7.459.423.280	16.588.002.785	367.576.900	43.672.561.761
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	131.716.457	7.135.502.655	16.588.002.785	367.576.900	24.222.798.797
- Khấu hao trong năm	131.716.452	111.058.500			242.774.952
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	263.432.909	7.246.561.155	16.588.002.785	367.576.900	24.465.573.749
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	19.125.842.339	323.920.625			19.449.762.964
- Tại ngày cuối năm	18.994.125.887	212.862.125			19.206.988.012
Đánh giá theo giá trị hợp lý					

Ghi chú (*): Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTSI Chi nhánh Đà Nẵng - 100 Quang Trung, Tp. Đà Nẵng (diện tích 144m2 theo hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/06/2013. Giá trị quyền sử dụng đất này được ghi nhận căn cứ theo thông báo nộp thuế TNCN số 1745/TB-TNCN của Cục thuế TP.Đà Nẵng đối với bên bán ngày 09/08/2013). 8.800.000.000
- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTSI Chi nhánh Hồ Chí Minh - Tầng 3, tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (bao gồm diện tích đất sử dụng chung là 944 m2 và diện tích tầng 3 sử dụng riêng là 620,7 m2, theo hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 66/HD-BTL ngày 17/12/2013 giữa Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Bến Thành và Công ty CP Chứng Khoán FPT). 4.691.451.796
- Giá trị quyền sử dụng đất trụ sở FPTSI Hà Nội - Số 52, đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội (tổng diện tích 941,73 m2, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/07/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 00587 cấp ngày 06/08/2014. 5.766.107.000

A.7.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua sắm tài sản cố định (mua ô tô)		831.168.000
Cộng		831.168.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	863.450.000	977.350.000
2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng		
Cộng	863.450.000	977.350.000

A.7.14. Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	3.580.000	7.620.000
Cộng	3.580.000	7.620.000

A.7.15. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	67.467.300.000	35.066.760.000
Cộng	67.467.300.000	35.066.760.000

A.7.16. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	200.000	30.000
Cộng	200.000	30.000

A.7.17. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	14.760.903.790.000	12.337.136.690.000
2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	143.736.990.000	95.096.200.000
3.Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	900.136.150.000	864.834.950.000
4.Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.226.000.000	
5.Tài sản tài chính chờ thanh toán	151.895.430.000	201.271.130.000
Cộng	15.957.898.360.000	13.498.338.970.000

A.7.18. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	23.544.390.000	159.475.840.000
2.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	67.075.530.000	60.815.650.000
3.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		
4.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		
Cộng	90.619.920.000	220.291.490.000

A.7.19. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	139.030.170.000	177.048.910.000
Cộng	139.030.170.000	177.048.910.000

A.7.20. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	14.151.970.000	565.470.000
Cộng	14.151.970.000	565.470.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.21. Tiền gửi của Nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	970.104.910.039	1.354.078.352.079
1.1.Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	957.690.295.018	1.298.318.059.048
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.414.615.021	55.760.293.031
2.Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		
3.Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		
3.1.Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		
3.2.Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
Cộng	970.104.910.039	1.354.078.352.079

A.7.22. Tiền gửi của Tổ chức phát hành

Tiền gửi của Tổ chức phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại, đại lý phát hành		
2.Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	2.092.693.525	1.145.613.975
Cộng	2.092.693.525	1.145.613.975

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.23. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

7.23.1. Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
		24.000.000
Cộng	24.000.000	

A.7.24. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	3.832.709.500	4.063.091.000
Cộng	3.832.709.500	4.063.091.000

A.7.25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Thuế Thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	10.307.299.663	11.870.408.380
	3.712.496.562	4.708.915.113
	118.084.234	106.018.014
Cộng	14.137.880.459	16.685.341.507

A.7.26. Chi phí phải trả

Phí GDCK, phí lưu ký và chuyển khoản, phí đại lý mở tài khoản

	Số cuối năm	Số đầu năm
	5.761.469.418	3.511.212.253
Cộng	5.761.469.418	3.511.212.253

A.7.27. Phải trả người bán

Công ty TNHH TM&DV Green Star Hà Nội
Công ty TNHH Schneider electric IT Việt nam
Công ty siêu thị Hà Nội
Công ty cổ phần Thực phẩm An toàn Tâm Thành
Công ty TNHH Khí Hóa Long Phú An
Ban quản lý Hồ Tây
Công ty CP đầu tư và địa ốc Hoàng Lịch
Tổng Công ty Đầu tư tài chính Hà Thành - Công ty CP
Công ty TNHH FBS
Công ty CP Havic
Công ty Cổ phần Phú Tăng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thái Minh
Công ty CP đầu tư Châu Âu
Công ty Luật TNHH Hưng Nguyên

	Số cuối năm	Số đầu năm
	14.550.000	710.000.000
	3.916.161	30.757.670
	2.697.248	19.968.000
	23.040.544	
	64.608.761	
	7.772.203	
	7.704.194	
	21.872.896	
	5.216.384	
	2.313.901	
	5.500.000	
Cộng	138.028.883	781.889.079

A.7.28. Phải trả, phải nộp khác

- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn
- Phải trả phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	3.832.709.500	4.063.091.000
	663.562.552	100.499.227.036
Cộng	4.496.272.052	104.562.318.036

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.29. Vay ngắn hạn (chi tiết theo các loại vay phát sinh trong kỳ hoạt động của CTCK)

Loại vay ngắn hạn	Lãi suất vay	Số dư vay đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay NH MSB Hội Sở (14/12/2017 - 02/01/2018)	6,60%	47.500.000.000		47.500.000.000	
Vay NH MSB Hội Sở (21/12/2017 - 02/01/2018)	6,60%	55.000.000.000		55.000.000.000	
Vay NH BIDV HT (29/01/2018 - 28/02/2018)	6,50%		29.900.000.000	29.900.000.000	
Vay NH MSB (30/01/2018 - 27/02/2018)	6,20%		153.500.000.000	153.500.000.000	
Vay NH VIB HS (30/01/2018 - 02/03/2018)	7,00%		75.000.000.000	75.000.000.000	
Vay NH VAB (31/01/2018 - 28/02/2018)	7,50%		210.000.000.000	210.000.000.000	
Vay NH VAB (28/02/2018 - 28/03/2018)	7,90%		200.000.000.000	200.000.000.000	
Vay NH MSB (28/02/2018 - 20/03/2018)	6,60%		153.500.000.000	153.500.000.000	
Vay NH BIDV HT (21/03/2018 - 26/03/2018)	6,50%		11.000.000.000	11.000.000.000	
Vay BIDV Hà Thành (26/03/2018 - 02/04/2018)	6,50%		25.000.000.000	25.000.000.000	
Vay NH MSB Hội Sở (28/03/2017 - 27/04/2018)	6,60%		102.500.000.000	102.500.000.000	
Vay NH Viet A Bank (18/04/2018 - 18/05/2018)	7,90%		190.000.000.000	190.000.000.000	
Vay NH MSB (19/04/2018 - 21/05/2018)	6,60%		102.500.000.000	102.500.000.000	
Vay NH BIDV HT (20/04/2018 - 02/05/2018)	6,50%		15.000.000.000	15.000.000.000	
Vay NH BIDV (23/04/2018 - 02/05/2018)	6,50%		14.900.000.000	14.900.000.000	
Vay NH VAB HN (27/04/2018 - 16/05/2018)	7,90%		150.000.000.000	150.000.000.000	
Vay NH BIDV HT (15/05/2018 - 21/06/2018)	6,50%		29.900.000.000	29.900.000.000	
Vay NH MSB HS (16/05/2018 - 18/06/2018)	6,97%		50.000.000.000	50.000.000.000	



Vay NH VAB HN (17/05/2018 - 10/07/2018)	7,90%	148.000.000.000	148.000.000.000	148.000.000.000
Vay NH VAB HN (21/05/2018 - 10/07/2018)	7,90%	185.000.000.000	185.000.000.000	185.000.000.000
Vay NH BIDV HT (21/05/2018 - 21/05/2019)	6,22%	49.900.000.000	49.900.000.000	49.900.000.000
Vay NH MSB HS (22/05/2018 - 02/07/2018)	6,97%	102.500.000.000	102.500.000.000	102.500.000.000
Vay NH MSB HS (19/06/2018 - 02/07/2018)	7,10%	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay NH BIDV HT (21/06/2018 - 21/06/2019)	6,22%	29.900.000.000	29.900.000.000	29.900.000.000
Vay NH Viet A HN (25/06/2018 - 25/07/2018)	7,90%	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Vay MSB HS (03/07/2018 - 03/08/2018)	7,10%	152.500.000.000	152.500.000.000	152.500.000.000
Vay BIDV Hà Thành (10/07/2018 - 10/07/2019)	6,22%	99.900.000.000	99.900.000.000	99.900.000.000
Vay VAB HN (18/07/2018 - 18/09/2018)	7,90%	145.000.000.000	145.000.000.000	145.000.000.000
Vay MSB HS (17/09/2018 - 17/10/2018)	7,10%	152.500.000.000	152.500.000.000	152.500.000.000
Vay VAB HN (27/09/2018 - 26/10/2018)	7,60%	145.000.000.000	145.000.000.000	145.000.000.000
Vay VAB HN (30/10/2018 - 05/12/2018)	7,60%	145.000.000.000	145.000.000.000	145.000.000.000
Vay VAB HN (27/11/2018 - 10/01/2019)	7,60%	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000
Vay MSB HS (30/10/2018 - 14/12/2018)	7,56%	152.500.000.000	152.500.000.000	152.500.000.000
Vay MSB HS (17/12/2018 - 31/01/2019)	7,56%	152.500.000.000	152.500.000.000	152.500.000.000
Vay Techcombank (04/12/2018 - 04/01/2019)	7,80%	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay Techcombank (20/12/2018 - 18/01/2019)	7,60%	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay NH BIDV HT (17/12/2018 - 21/06/2019)	6,22%	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay NH BIDV HT (17/12/2018 - 21/05/2019)	6,22%	49.900.000.000	49.900.000.000	49.900.000.000
Cộng		102.500.000.000	3.492.800.000.000	3.118.100.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.30. Phải trả Nhà đầu tư

Loại phải trả

1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

- 1.1. Của Nhà đầu tư trong nước
- 1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài

2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư

- 2.1. Của Nhà đầu tư trong nước
- 2.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài

3. Phải trả khác của Nhà đầu tư

- 3.1. Của Nhà đầu tư trong nước
- 3.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	970.104.910.039	1.354.078.352.079
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	957.690.295.018	1.298.318.059.048
1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài	12.414.615.021	55.760.293.031
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		
2.1. Của Nhà đầu tư trong nước		
2.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài		
3. Phải trả khác của Nhà đầu tư		
3.1. Của Nhà đầu tư trong nước		
3.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài		
Cộng	970.104.910.039	1.354.078.352.079

A.7.31. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

- 1. Phải trả phí môi giới chứng khoán
- 2. Phải trả phí lưu ký chứng khoán
- 3. Phải trả phí tư vấn đầu tư

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả phí môi giới chứng khoán	686.178.189	1.183.899.879
2. Phải trả phí lưu ký chứng khoán		
3. Phải trả phí tư vấn đầu tư		
Cộng	686.178.189	1.183.899.879

A.7.32. Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

Các khoản phải trả

1. Phải trả nghiệp vụ margin

2. Phải trả gốc margin

- 2.1. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước
- 2.2. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài

3. Phải trả lãi margin

- 3.1. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước
- 3.2. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài

4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

- 4.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước

b. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài

- 4.2. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

a. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước

b. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài

5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả nghiệp vụ margin		
2. Phải trả gốc margin	1.514.718.866.735	1.307.520.007.644
2.1. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	1.514.718.866.735	1.307.520.007.644
2.2. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài		
3. Phải trả lãi margin	9.675.264.002	8.452.962.291
3.1. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	9.675.264.002	8.452.962.291
3.2. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài		
4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	46.104.358.919	91.677.899.313
4.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	46.003.809.878	91.511.157.331
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	46.003.809.878	91.511.157.331
b. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
4.2. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	100.549.041	166.741.982
a. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	100.549.041	166.741.982
b. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh	1.931	
Cộng	1.570.498.491.587	1.407.650.869.248



A.7.33 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	312.553.706.851	259.540.156.789
2. Lợi nhuận chưa thực hiện	252.164.874.271	81.552.076
Cộng	564.718.581.122	259.621.708.865

A.7.34 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2018	Năm 2017
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối lũy kế	259.540.156.789	245.222.060.591
2. Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm		
3. Lợi nhuận đã thực hiện năm nay	237.896.737.210	179.136.785.742
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn (4)=(1+2+3)	497.436.893.999	424.358.846.333
5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	35.827.357.148	29.314.576.044
5.1 Quỹ dự trữ điều lệ	8.956.839.287	7.328.644.011
5.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	8.956.839.287	7.328.644.011
5.3 Quỹ khen thưởng phúc lợi	17.913.678.574	14.657.288.022
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	149.055.830.000	135.504.113.500



B. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

B.7.35. Thu nhập

B.7.35.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
	Cổ phiếu lẻ	6.606.084		15.296.116.648	15.298.710.318	(2.593.670)	(2.593.670)	395.074.142
	Tổng cộng	6.606.084		15.296.116.648	15.298.710.318	(2.593.670)	(2.593.670)	395.074.142

B.7.35.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường(*)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước (**)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	16.588.505.607	268.753.379.878	252.164.874.271	81.552.076	252.083.322.195
1	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	14.581.140.674	266.746.014.945	252.164.874.271	81.552.076	252.083.322.195
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.007.364.933	2.007.364.933			
3	Trái phiếu niêm yết					
4	Trái phiếu chưa niêm yết					
5	Công cụ thị trường tiền tệ					
6	Các khoản đầu tư phái sinh niêm yết					
7	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết					
8	Các khoản đầu tư cho vay					
9	Các khoản đầu tư đem thế chấp					
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu					
II	Loại HTM					
III	Loại các khoản cho vay và phải thu					
IV	Loại AFS					
	Cộng	16.588.505.607	268.753.379.878	252.164.874.271	81.552.076	252.083.322.195

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa của các cổ phiếu trên tại ngày 31/12/2018 trên sàn giao dịch chứng khoán. Công ty không thực hiện đánh giá lại các cổ phiếu chưa niêm yết tại thời điểm 31/12/2018 vì không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các cổ phiếu này.

B.7.35.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm 2018	Năm 2017
1. Từ tài sản tài chính FVTPL:	32.212.829.790	18.226.749.023
1.1 Cổ tức và lãi trái phiếu	26.010.555.816	14.657.749.023
1.2 Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.202.273.974	3.569.000.000
2. Từ tài sản tài chính HTM:		
3. Từ các khoản cho vay	207.641.257.711	143.222.354.016
4. Từ AFS:		
Tổng cộng	239.854.087.501	161.449.103.039



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

B.7.35.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

STT	Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu đại lý đầu giá	34.483.208	13.323.429
2	Doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của TCPH	24.500.000	65.150.000
3	Phí quản lý tài sản cầm cố	45.383.700	113.686.200
4	Doanh thu khác	742.358.885	1.000.000
Cộng		846.725.793	193.159.629

B.7.35.5. Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

STT	Các loại chi phí hoạt động khác	Năm 2018	Năm 2017
1	Chi phí khác		
Cộng			

B.7.36. Doanh thu hoạt động tài chính

STT	Loại doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2018	Năm 2017
1	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
1.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện		
1.2	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		
2	Doanh thu cổ tức từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh phát sinh trong kỳ		
3	Doanh thu dự thu cổ tức, phát sinh trong kỳ		
4	Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	33.245.932.757	23.144.067.297
5	Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng		33.245.932.757	23.144.067.297

B.7.37. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

STT	Loại chi phí	Năm 2018	Năm 2017
1	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	84.063.439.175	58.746.987.543
2	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
3	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		
4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	15.201.872.692	11.173.532.211
5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	9.379.744.389	7.263.039.228
6	Chi phí các dịch vụ tài chính khác		
7	Chi phí cho thuê, sử dụng tài sản		
8	Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu cho Tổ chức phát hành		
9	Chi phí dịch vụ khác		
10	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	26.968.612.727	1.179.176.142
Cộng		135.613.668.983	78.362.735.124

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

B.7.38. Chi phí tài chính

STT	Loại chi phí tài chính	Năm 2018	Năm 2017
1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	4.904.500	
1.1	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.904.500	
1.2	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
2	Chi phí lãi vay	125.000.000	86.301.370
3	Lỗ bán, thanh lý khoản đầu tư và công ty con, công ty liên kết, liên doanh		
4	Chi phí tài chính khác		
Cộng		129.904.500	86.301.370

B.7.39. Chi phí quản lý CTCK

STT	Loại chi phí quản lý CTCK	Năm 2018	Năm 2017
1	Chi phí lương và khác khoản khác theo lương	22.704.671.311	18.217.557.577
	<i>Trong đó: CP Lương của Tổng giám đốc</i>	<i>955.800.000</i>	<i>761.400.000</i>
2	BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.659.755.350	1.452.256.600
3	Chi phí đào tạo tuyển dụng	92.070.118	467.825
4	Chi phí vật tư văn phòng	2.030.177.442	2.633.014.172
5	Chi phí công cụ, dụng cụ		
6	Chi phí khấu hao TSCĐ	10.545.674.312	10.460.707.580
7	Chi phí thuế, phí và lệ phí	30.117.755	26.317.755
8	Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng		
9	Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.396.314.022	10.314.741.374
10	Chi phí khác	1.073.022.988	748.725.484
Cộng		50.531.803.298	43.853.788.367

B.7.40. Thu nhập khác

STT	Chi tiết thu nhập khác	Năm 2018	Năm 2017
1	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	506.181.817	4.363.634
2	Doanh thu bán Token card	190.745.620	580.181.990
3	Thu nhập từ phí c.tiền của NDT	1.374.945.047	1.166.875.100
4	Thu nhập khác	25.289.791.948	15.744.050.900
Cộng		27.361.664.432	17.495.471.624

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

B.7.41. Chi phí khác

STT	Chi tiết chi phí khác	Năm 2018	Năm 2017
1	Lỗ bán thanh lý TSCĐ		
2	Phạt do vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, quản lý hóa đơn		
3	Chi phí Token card	123.639.530	414.994.246
4	Phí chuyển tiền của NDT	1.251.488.354	1.059.934.261
5	Chi phí khác	24.990.574.056	15.366.770.801
	Cộng	26.365.701.940	16.841.699.308

B.7.42. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

STT	Chi tiết chi phí thuế TNDN	Năm 2018	Năm 2017
1	Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành		
2	- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	52.971.545.348	38.669.164.917
3	- Điều chỉnh Chi phí thuế thu nhập CTCK của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
4	- Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	52.971.545.348	38.669.164.917
5	Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại		



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

C. Thuyết minh về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

C.7.43. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển Tiền tệ và các khoản tiền do CTCK nắm giữ nhưng không được sử dụng

STT	Các giao dịch và các khoản tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	1	2
	-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	970.104.910.039	1.354.078.352.079
	-Tiền gửi của Tổ chức phát hành	2.092.693.525	1.145.613.975
	Tổng	972.197.603.564	1.355.223.966.054

D. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu như sau:

D.7.44.1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tình hình tài chính nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành

D.7.44.2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

D.7.44.3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

- Thu nhập:
- Chi phí:
- Lãi (Lỗ):

Cộng:

E. Những thông tin khác

E.7.45.1. Thông tin so sánh: Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2018 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

E.7.45.2. Thông tin về các bên liên quan:

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền	
				Năm 2018	Năm 2017
1	Công ty cổ phần FPT	Cổ đông lớn (20% Vốn điều lệ)	Phí lưu ký, Phí quản lý cổ đông chưa tái lưu ký, Phí tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông,	132.813.414	2.009.880.614
2	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Bên có liên quan	Cước DV viễn thông	168.300.000	200.403.000
3	CT TNHH Phân phối FPT	Bên có liên quan	Thiết bị tin học		1.433.408.397
4	CT TNHH Dịch vụ tin học FPT	Bên có liên quan	Thiết bị tin học, dịch vụ tin học	193.355.536	312.699.200
5	CT TNHH Hệ thống thông tin FPT	Bên có liên quan	Thiết bị tin học	809.164.000	1.965.205.900
6	CN CT TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	Bên có liên quan	Cước dịch vụ viễn thông	553.482.600	2.341.031.374
7	Công ty TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT	Bên có liên quan	Cước dịch vụ viễn thông	33.264.000	33.264.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

8	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Bên có liên quan	Chi phí đường truyền	104.280.000	19.800.000
9	CN CT TNHH Phân phối FPT	Bên có liên quan	Thiết bị tin học		557.819.988
10	Công ty CP Quản lý Quỹ FPT	Bên có liên quan	Phí lưu ký		3.637.836
11	Công ty CP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Bên có liên quan	Phí tư vấn Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và Lập Báo cáo thường niên năm 2017, phí quản lý cổ đông	84.700.000	41.800.000
12	CN CTTNHH dịch vụ tin học FPT	Bên có liên quan	Thiết bị tin học	9.691.000	125.703.600
13	Công ty TNHH Đầu tư FPT	Bên có liên quan	Phí chuyển nhượng CK chưa niêm yết	56.364.000	

E.7.45.3. Những thông tin khác:

Công ty không thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ vốn ngoài nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (Không có Hợp đồng hợp tác đầu tư, đặt cọc môi giới chứng khoán, giao dịch mua có cam kết bán lại Reverse repo)

Người lập biểu



Trần Thị Thu Chung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

